

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

Số: 848 /UBND-KT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Kiên Giang, ngày 17 tháng 5 năm 2023

V/v xin ý kiến về đề nghị xét, công nhận
huyện Kiên Lương đạt chuẩn nông thôn
mới năm 2022.

Kính gửi:

- Thủ trưởng các tổ chức đoàn thể chính trị- xã hội: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; Hội Cựu chiến binh tỉnh; Hội Nông dân tỉnh; Hội Liên hiệp Phụ nữ; Liên đoàn Lao động tỉnh và Tỉnh đoàn.
- Thủ trưởng các sở, ngành: Thông tin và Truyền thông; Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh; Báo Kiên Giang và Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh.
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

Thực hiện Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/08/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

Để đủ cơ sở hoàn chỉnh hồ sơ gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định công nhận huyện Kiên Lương đạt chuẩn nông thôn mới, Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

1. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; các tổ chức chính trị-xã hội cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố nghiên cứu, tham gia ý kiến đối với dự thảo Báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt các tiêu chí nông thôn mới của huyện Kiên Lương (đính kèm dự thảo Báo cáo).

Ý kiến tham gia góp ý bằng văn bản gửi về Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh (Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh) trước ngày 25/5/2023.

2. Đề nghị Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh; Báo Kiên Giang phối hợp với Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh tổ chức công bố kết quả xây dựng nông thôn mới của huyện Kiên Lương (ít nhất 03 lần), hoàn thành trước ngày 22/5/2023.

3. Giao Sở Thông tin và Truyền thông đăng thông báo kèm theo toàn văn dự thảo Báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt các tiêu chí nông thôn mới của huyện Kiên Lương lên Cổng Thông tin điện tử tỉnh và các phương tiện thông



tin khác để mọi tổ chức và Nhân dân có thể đọc, tải về nghiên cứu và tham gia đóng góp ý kiến.

4. Giao Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Kiên Lương cung cấp tài liệu, thông tin khi các đơn vị, cá nhân có yêu cầu, đồng thời đôn đốc các đơn vị thực hiện nhiệm vụ theo đúng thời gian quy định. Tổng hợp các ý kiến góp ý của các đơn vị và người dân hoàn thiện hồ sơ và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 31/5/2023.

Thông tin ý kiến đóng góp gửi về Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh; địa chỉ: số 09, đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường An Hòa, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang. Điện thoại 02973.777.471 hoặc 0917.723.488 (đ/c Nguyễn Thái Lưu); Email: vpdntmkg@gmail.com.

Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tham gia ý kiến để tổng hợp, đề nghị Thủ tướng Chính phủ công nhận huyện Kiên Lương đạt chuẩn nông thôn mới. *TL*

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT và các PCT.UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- VP ĐP NTM huyện KL;
- LĐVP, Phòng: KT, KGVX;
- Lưu: VT, tvhung.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Lưu Trung

* Nguyễn Lưu Trung



Số: /BC-UBND

Kiên Giang, ngày tháng 5 năm 2023

Dự thảo

BÁO CÁO

**Kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới năm 2022
đối với huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang**

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện Kiên Lương tại Tờ trình số 50/TTr-UBND ngày 20/4/2023 về việc thẩm tra, đề nghị xét công nhận huyện Kiên Lương đạt chuẩn huyện nông thôn mới năm 2022,

Căn cứ kết quả thẩm tra hồ sơ đề nghị và đánh giá cụ thể mức độ đạt các tiêu chí nông thôn mới, Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận huyện Kiên Lương đạt chuẩn huyện nông thôn mới năm 2022, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THẨM TRA

Thời gian thẩm tra: Ngày 26/4/2023.

1. Về hồ sơ

Huyện Kiên Lương đã thực hiện và cung cấp đầy đủ hồ sơ theo đúng quy trình tại Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025. Hồ sơ gồm có:

- Tờ trình số 50/TTr-UBND ngày 20/4/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Kiên Lương về việc thẩm tra, đề nghị xét công nhận huyện Kiên Lương đạt chuẩn huyện nông thôn mới năm 2022;

- Danh sách 07/07 xã đã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn huyện Kiên Lương (kèm Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận 07 xã), danh sách xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và danh sách thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh;

- Biên bản ngày 20/4/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Kiên Lương về việc họp đề nghị xét, công nhận huyện Kiên Lương đạt chuẩn nông thôn mới 2022;

- Báo cáo số 80/BC-UBND ngày 18/4/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Kiên Lương về kết quả xây dựng nông thôn mới đến năm 2022 của huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang;

- Báo cáo số 78/BC-UBND ngày 17/4/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Kiên Lương về việc tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả thực hiện xây dựng huyện nông thôn mới đến năm 2022 trên địa bàn huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang;

- Báo cáo số 79/BC-UBND ngày 17/4/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Kiên Lương về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Kiên Lương;

- Hình ảnh minh họa kết quả xây dựng nông thôn mới huyện Kiên Lương.

2. Về kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng huyện nông thôn mới

Quán triệt sâu sắc ý nghĩa, tầm quan trọng của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đối với nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong phát triển kinh tế-xã hội trên địa bàn huyện Kiên Lương, Ủy ban nhân dân tỉnh đã triển khai đồng bộ các nhiệm vụ và giải pháp thực hiện Chương trình; tập trung quyết liệt đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh về Chương trình đến cấp ủy, chính quyền địa phương. Huyện ủy Kiên Lương ban hành Nghị quyết chuyên đề về Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện; Ủy ban nhân dân huyện xây dựng Đề án xây dựng nông thôn mới cấp huyện, hàng năm có xây dựng kế hoạch, lộ trình và giải pháp cụ thể trong triển khai thực hiện. Tập trung chỉ đạo cơ quan chuyên môn kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn các xã rà soát, đánh giá hiện trạng theo Bộ tiêu chí Quốc gia về xây dựng nông thôn mới, xây dựng quy hoạch và đề án xã nông thôn mới theo qui định, làm căn cứ triển khai thực hiện. Để lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện Chương trình trên địa bàn huyện giai đoạn 2021-2025, Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia huyện được thành lập do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện làm Trưởng ban. Để thực hiện nhiệm vụ tham mưu, giúp việc cho Ban Chỉ đạo huyện, Văn phòng nông thôn mới huyện được kiện toàn trên cơ sở kế thừa của giai đoạn trước; đến nay Văn phòng nông thôn mới huyện hoạt động theo chức năng,

nhiệm vụ, tổ chức và do Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện làm Chánh Văn phòng, Trưởng Phòng Kinh tế huyện làm Phó Chánh Văn phòng.

Huyện đã chỉ đạo 07/07 xã thành lập Ban quản lý Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, do đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã làm Trưởng ban; 100% ấp đều có thành lập Ban Phát triển ấp; Ủy ban nhân dân các xã đã có Quyết định phân công, bố trí công chức thực hiện việc tham mưu giúp Ủy ban nhân dân xã, Ban Chỉ đạo xã trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã.

Bộ máy quản lý từ huyện đến xã hoàn thiện và hoạt động theo quy chế, phát huy hiệu quả năng lực quản lý. Ban Chỉ đạo huyện, Ban quản lý xã kịp thời ban hành các văn bản như: Nghị quyết, chương trình, kế hoạch chuyên đề giai đoạn, hàng năm; các quyết định ban hành quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ. Từ đó, các cấp ủy, người đứng đầu tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện với lộ trình, giải pháp phù hợp về xây dựng nông thôn mới, thi đua lao động, sản xuất, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng năng suất, thu nhập, ổn định cuộc sống.

3. Về số xã, thị trấn đạt chuẩn theo quy định

3.1. Số xã đạt chuẩn theo quy định

- Tổng số xã trên địa bàn huyện Kiên Lương: 07 xã.
- Số xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới: 07/07 xã.
- Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới: 100%.
- Số xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao: 01 xã (xã Hòn Nghê).
- Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao: 14,29% (yêu cầu $\geq 10\%$).

3.2. Số thị trấn đạt chuẩn theo quy định

- Tổng số thị trấn trên địa bàn huyện: 01 thị trấn (thị trấn Kiên Lương).
- Số thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh: 01/01 thị trấn.
- Tỷ lệ số thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh: 100%.

4. Về kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới ở các xã trên địa bàn

4.1. Công tác lập quy hoạch và tổ chức thực hiện quy hoạch (Tiêu chí

1)

Kiên Lương xác định quy hoạch là cơ sở quan trọng để xây dựng nông thôn mới nên Ủy ban nhân dân huyện sớm chỉ đạo lập đồ án quy hoạch nông thôn mới cấp xã trong năm 2012; và từ đó đến nay thường xuyên chỉ đạo các xã rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch nông thôn mới xã theo Bộ tiêu chí nông thôn mới và phù hợp với điều kiện phát triển thực tế.

Việc tổ chức lập quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới của 07 xã đã hoàn thành vào cuối năm 2012. Được sự quan tâm của Ủy ban nhân dân huyện

và Ban chỉ đạo huyện nên sau khi các đồ án được phê duyệt, Ủy ban nhân dân các xã đã phối hợp với các ngành có liên quan tổ chức công bố công khai quy hoạch đúng theo quy định, và hoàn thành cắm mốc chỉ giới xây dựng các công trình hạ tầng theo quy hoạch. Đồng thời Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch, phê duyệt các đề án để thực hiện công tác đầu tư xây dựng phù hợp với quy hoạch được duyệt. Chất lượng đồ án quy hoạch của các xã cơ bản đáp ứng được yêu cầu xây dựng nông thôn mới theo Bộ tiêu chí Quốc gia và Bộ tiêu chí của tỉnh, đồng thời phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của địa phương.

Hiện nay Ủy ban nhân dân huyện Kiên Lương đã chỉ đạo các đơn vị rà soát, điều chỉnh quy hoạch cấp xã theo Bộ tiêu chí nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, dự kiến hoàn thành trong năm 2023.

Đánh giá: 07/07 xã đạt tiêu chí 1 về Quy hoạch.

4.2. Xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu

4.2.1. Về Giao thông - Tiêu chí 2

Giao thông nông thôn góp phần phát triển kinh tế xã hội ở địa phương và đáp ứng yêu cầu của nhân dân cũng như tạo điều kiện hoàn thành các tiêu chí khác trong bộ tiêu chí xã nông thôn mới nên được huyện chú trọng đầu tư, nhân dân đồng tình tự nguyện thực hiện, với phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”.

Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sự tham gia của người dân, qua hơn 10 năm thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới, hệ thống đường giao thông trên địa bàn huyện đến thời điểm hiện tại đã cơ bản hoàn thiện, đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hóa và đi lại của nhân dân. Hệ thống cầu, cống trên các tuyến đường huyện, xã được xây dựng kiên cố, phù hợp với cấp đường quy hoạch đảm bảo ô tô lưu thông được. Đường xã và đường từ trung tâm các xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa là 69,6/69,6km (05/07 xã có tuyến đường đến huyện, 02 xã đảo sử dụng đường thủy) đạt 100%, luôn đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm. Đường ấp, ấp liên ấp được cứng hóa đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm trên địa bàn 07 xã với chiều dài 248,1/248,1km, đạt 100%. Đường, ngõ, xóm của các xã trên địa bàn huyện không lầy lội vào mùa mưa là 35/35km, đạt 100%.

Đánh giá: 07/07 xã đạt tiêu chí 2 về Giao thông.

4.2.2. Về Thủy lợi và phòng, chống thiên tai - Tiêu chí 3

Thủy lợi và phòng, chống thiên tai là một trong những tiêu chí quan trọng để đảm bảo phát triển sản xuất nông nghiệp, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, cơ cấu lại ngành nông nghiệp và mở rộng diện tích nuôi trồng thủy sản trong điều kiện thích ứng với biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn. Ủy ban nhân dân huyện luôn quan tâm chỉ đạo, đầu tư phát triển hệ thống kênh, mương, cống, đập; hướng dẫn, đôn đốc các xã, thị trấn thực hiện các nội dung của tiêu chí Thủy lợi và phòng, chống thiên tai theo kế hoạch. Hệ thống thủy lợi trên địa bàn huyện đáp

ứng tốt công tác điều tiết nước, tưới tiêu trong sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, đồng thời phục vụ tốt nhu cầu giao thông vận chuyển hàng hóa, đi lại bằng đường thủy và đảm bảo nhu cầu dân sinh.

Diện tích đất sản xuất nông nghiệp hàng năm của 07 xã là 49.629,78 ha; Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới tiêu chủ động được là 49.319,22 ha, đạt 99,37%, cụ thể như sau:

STT	Đơn vị	Diện tích đất sản xuất nông nghiệp (ha)	Diện tích được tưới tiêu chủ động (ha)	Tỷ lệ %
1	Xã Kiên Bình	27.044,71	26.996,50	99,82
2	Xã Hòa Điền	15.217,18	15.003,56	98,60
3	Xã Dương Hòa	977,03	977,03	100
4	Xã Bình An	1.693,06	1.678,16	99,12
5	Xã Bình Trị	4.697,80	4.663,97	99,28
6	Xã Sơn Hải	Đặc thù là xã đảo nên xã không có diện tích đất sản xuất nông nghiệp, không có tổ chức thủy lợi, không có diện tích trồng cây nông nghiệp và công trình thủy lợi		
7	Xã Hòn Nghệ			
Tổng cộng		49.629,78	49.319,22	99,37

Hàng năm, Ủy ban nhân dân huyện và Ủy ban nhân dân các xã đều có kế hoạch nạo vét, khai thông dòng chảy,... đảm bảo lòng sông kênh, rạch trên địa bàn huyện được thông thoáng, không gây ách tắc dòng chảy, ô nhiễm nguồn nước.

Để phục vụ tốt công tác phòng, chống thiên tai; hàng năm, 100% các xã đã thành lập Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; xây dựng phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng, chống thiên tai; có phương án ứng phó đối với các loại hình thiên tai chủ yếu, thường xuyên xảy ra trên địa bàn, phương án ứng phó với bão mạnh, siêu bão theo phương châm “4 tại chỗ” để các cấp chính quyền địa phương, cơ sở và người dân chủ động thực hiện. Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức của cả cộng đồng về các loại hình thiên tai, kinh nghiệm, kiến thức phòng tránh, nhất là việc chủ động phương án ứng phó, khắc phục hậu quả với bão mạnh, siêu bão, hạn, mặn xâm nhập; xác định phòng chống, ứng phó, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và của cộng đồng dân cư trên địa bàn.

Đánh giá: 07/07 xã đạt tiêu chí 3 về Thủy lợi và phòng, chống thiên tai.

4.2.3. Về điện - Tiêu chí 4

Hệ thống điện đạt chuẩn: Ngành điện đã đầu tư xây dựng hoàn chỉnh hệ thống truyền tải điện, hệ thống các trạm biến áp phân phối, các đường dây trung áp, các đường dây hạ áp, công tơ đo đếm phục vụ sản xuất, kinh doanh và sinh

hoạt của người dân trên địa bàn 07 xã đảm bảo đạt yêu cầu kỹ thuật của ngành điện.

Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn, tin cậy và ổn định từ các nguồn trên địa bàn 07 xã: 12.990/13.092 hộ, đạt 99,22%, cụ thể:

STT	Đơn vị	Tổng số hộ trên địa bàn xã (hộ)	Hộ sử dụng điện thường xuyên an toàn từ các nguồn	Tỉ lệ (%)
1	Xã Kiên Bình	2.385	2.324	98,31
2	Xã Hòa Điền	2.629	2.613	99,4
3	Xã Dương Hòa	1.950	1.934	99,19
4	Xã Bình An	3.161	3.161	100
5	Xã Bình Trị	1.592	1.589	99,81
6	Xã Sơn Hải	683	683	100
7	Xã Hòn Nghệ	686	686	100
Tổng cộng		13.092	12.990	99,227

Về đảm bảo an toàn điện sau điện kế: Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo phòng chuyên môn phối hợp Ủy ban nhân dân các xã đã tổ chức tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn về an toàn điện, sử dụng điện an toàn cho nhân dân; tổ chức kiểm tra, hướng dẫn, vận động nhân dân cải tạo, sửa chữa lại hệ thống lưới điện hạ áp từ sau công tơ kéo về nhà dân; phát quang cây xanh dọc theo hành lang bảo vệ an toàn lưới điện cao áp để đảm bảo sử dụng điện an toàn. Đối với những hộ dân cách xa trục đường điện, Ủy ban nhân dân các xã đã vận động nhân dân đổ trụ bê tông chắc chắn để nâng cấp đường dây, mắc điện kế đúng yêu cầu kỹ thuật của ngành điện.

Đánh giá: 07/07 xã đạt tiêu chí 4 về Điện.

4.2.4. Về Trường học - Tiêu chí 5

Huyện Kiên Lương đã khai thác và sử dụng hiệu quả nguồn lực xã hội từ các nguồn vốn của Trung ương, của tỉnh và đặc biệt là sự đầu tư của các Doanh nghiệp để đẩy mạnh phát triển công tác giáo dục, nâng cao chất lượng dạy và học, xây dựng mới phòng học, phòng chức năng, đầu tư trang thiết bị và các công trình phụ trợ như: hàng rào, nhà xe, hệ thống thoát nước, sân chơi và đường đi; đồng thời, hàng năm nâng cấp, sửa chữa các phòng học ở các điểm trường.

Cơ bản các trường học trên địa bàn huyện có diện tích khuôn viên đúng theo quy định; có đầy đủ phòng học, phòng học bộ môn, phòng phục vụ học tập, phòng hành chính- quản trị, phòng y tế; có đủ bàn ghế học sinh, bàn ghế giáo

viên, bảng lớp học theo quy định; các hạng mục phụ, hệ thống điện đảm bảo phục vụ hoạt động của nhà trường. Các thiết bị, đồ dùng dạy học được trang bị đủ phục vụ cho công tác dạy và học.

Các cơ sở giáo dục thực hiện tốt công tác huy động trẻ em, học sinh ra lớp hàng năm; có sự đầu tư, cải tạo về cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị phục vụ công tác chăm sóc và giáo dục trẻ, học sinh; trường, lớp thông thoáng, đảm bảo vệ sinh; việc bố trí sắp xếp môi trường vui chơi, học tập theo chương trình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông được quan tâm thực hiện. Các trường thực hiện tốt công tác kiểm định chất lượng giáo dục, xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia; chủ động, tích cực tham gia và đạt kết quả tốt ở Hội thi thiết bị dạy học tự làm cấp huyện; quan tâm xây dựng trường học an toàn, phòng chống tai nạn, thương tích, đuối nước, phòng chống bạo lực học đường; thường xuyên kiểm tra, phát hiện và kịp thời khắc phục các nguy cơ gây thương tích cho trẻ, học sinh; huy động được sự tham gia ủng hộ nhiệt tình của cha mẹ trẻ, học sinh.

Các trường đều có hệ thống công nghệ thông tin, 100% các trường có kết nối Internet, có Website riêng; 100% các trường sử dụng nước sạch hợp vệ sinh, có hệ thống thoát nước, sân chơi, bãi tập, khu nhà vệ sinh riêng cho học sinh, giáo viên, có tách riêng cho nam, nữ đảm bảo theo quy định; có khu sân chơi, bãi tập, có cây xanh, bóng mát đảm bảo môi trường xanh, sạch, đẹp, an toàn.

Toàn huyện có 24 trường từ mẫu giáo đến THCS (07 trường mẫu giáo, 06 trường tiểu học, 05 trường TH&THCS, 04 trường THCS, 01 trường THCS và THPT và 01 trường THPT). Đến nay đã công nhận được 13/24 trường đạt chuẩn quốc gia (mầm non 4 trường, tiểu học 5 trường, THCS 3 trường, THPT 01 trường); 24/24 trường có cơ sở vật chất đạt chuẩn theo quy định, đạt tỷ lệ 100% và có 02 trường đạt chuẩn cơ sở vật chất mức độ 02.

Đánh giá: 07/07 xã đạt tiêu chí 5 về Trường học.

4.2.5. Về Cơ sở vật chất văn hóa - Tiêu chí 6

Giai đoạn 2011-2022, toàn huyện đã đầu tư xây mới, sửa chữa 07/07 Trung tâm Văn hóa Thể thao xã, có sức chứa từ 200 đến 250 chỗ ngồi/trung tâm và các công trình phụ trợ; đầu tư xây dựng mới các phòng chức năng tổng kinh phí đầu tư trên 17,4 tỷ đồng. Tất cả các xã đều có hội trường trên 250 chỗ ngồi, là nơi tổ chức hội họp, đại hội, hội thảo, các hoạt động văn hóa, văn nghệ tại địa phương...

Trong triển khai thực hiện tiêu chí về văn hóa, huyện luôn quan tâm và thường xuyên vận động xã hội hóa, đến nay các xã đều có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi hoặc tận dụng các điểm trường học, sân chùa để làm điểm vui chơi giải trí cho trẻ em và người cao tuổi. Đồng thời các xã đều có kế hoạch đảm bảo các điều kiện về phòng chống đuối nước cho trẻ em.

Huyện có 34/34 ấp có trụ sở ấp gắn với nhà văn hóa - khu thể thao ấp được đầu tư trang bị bàn, ghế đảm bảo phục vụ tốt các cuộc hội, họp và sinh hoạt của nhân dân trên địa bàn với trên 100 chỗ ngồi, có công trình phụ (nhà vệ sinh)

trong khu đất của trụ sở ấp. Trên địa bàn mỗi xã còn có bố trí nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng như: sân bóng đá mini, sân bóng chuyền, cầu lông... tận dụng nơi đình, chùa, nhà thờ, sân trường học, sân vườn trong các khu dân cư...

Đánh giá: 07/07 xã đạt tiêu chí 6 về Cơ sở vật chất văn hóa.

4.2.6. Về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn - Tiêu chí 7

Huyện đã kêu gọi đầu tư xây dựng mới và cải tạo, nâng cấp chợ xã theo quy hoạch được 2/7 xã (Bình An và Dương Hòa) đảm bảo phục vụ tốt nhu cầu mua, bán và trao đổi hàng hóa của nhân dân. Các chợ đều có Ban quản lý, có nội quy, có trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy; các điểm kinh doanh được bố trí, sắp xếp riêng theo từng mặt hàng thuận lợi cho người bán và người mua; chợ có đầy đủ hệ thống điện, cấp nước sạch, thoát nước, rác thải được thu gom hàng ngày đảm bảo vệ sinh

Các xã còn lại, mặc dù chưa xây dựng chợ, nhưng trên địa bàn các xã có nhiều điểm kinh doanh mua bán tập trung để nhân dân mua bán, trao đổi hàng hóa. Ngoài ra một số doanh nghiệp đã và đang đầu tư, đưa vào hoạt động một số loại hình như: Siêu thị Coopmart, Bách hóa xanh, Vinmart trên địa bàn thị trấn và một số xã.

Đánh giá: 07/07 xã đạt tiêu chí 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn.

4.2.7. Về Thông tin và Truyền thông - Tiêu chí 8

Các xã, thị trấn của huyện Kiên Lương đều có ít nhất 01 điểm phục vụ bưu chính cung cấp các dịch vụ cơ bản theo quy định và tất cả đều có 01 điểm phục vụ viễn thông công cộng (Viettel, Mobifone, Vinaphone,...) cung cấp dịch vụ viễn thông, truy nhập internet băng rộng cố định và băng rộng di động đến từng ấp, khu phố đều đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia. xã đều có Bưu điện văn hoá xã, là điểm giao dịch phục vụ bưu chính: tiếp nhận, phát thư, bưu kiện hàng hóa, dịch vụ ... phục vụ Nhân dân, phục vụ đảm bảo theo quy định; 34/34 ấp được cung cấp dịch vụ viễn thông và internet, đảm bảo cung ứng đầy đủ các dịch vụ điện thoại cố định, di động mặt đất, dịch vụ internet băng rộng đáp ứng tốt nhu cầu của các tổ chức, cá nhân tại địa phương. Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến đã được triển khai đưa vào sử dụng đến các xã, đã giảm được chi phí, thời gian hội họp, thông tin được truyền đạt nhanh chóng, hiệu quả.

Các xã đều được bố trí cụm loa trên địa bàn các ấp; thường xuyên được được kiểm tra, bảo trì và hoạt động tốt, đảm bảo công tác thông tin, tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước đến nhân dân trên địa bàn.

Tất cả cán bộ, công chức của các xã, thị trấn trên địa bàn huyện đều được trang bị máy tính cá nhân. Tất cả các xã, thị trấn đều có ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý đều hành sử dụng 2 phần mềm gồm: Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành (Hồ sơ công việc); hệ thống Thư điện tử chính thức của cơ

quan nhà nước và mỗi cán bộ, công chức đều được cấp một tài khoản thư điện tử công vụ.

Đánh giá: 07/07 xã đạt tiêu chí 8 về Thông tin truyền thông.

4.2.8. Về nhà ở dân cư - Tiêu chí 9

Trong thời gian qua, Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện, các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội và Ủy ban nhân dân các xã đã vận động các quỹ an sinh xã hội, triển khai thực hiện tốt nhiều chương trình, dự án hỗ trợ về nhà ở, nhất là chương trình nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo và chương trình xây dựng nhà tình nghĩa cho gia đình chính sách, người có công với cách mạng theo quy định¹. Đồng thời, cũng tuyên truyền, vận động, hướng dẫn các hộ gia đình quan tâm, tự chỉnh trang sửa chữa, xây mới nhà ở. Đến nay, trên địa bàn huyện không còn nhà tạm, dột nát; tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố là 95,19%, cụ thể như sau:

STT	Đơn vị	Tổng số căn nhà	Chỉ tiêu 9.1		Chỉ tiêu 9.2	
			Nhà tạm	Nhà dột nát	Nhà ở đạt chuẩn	Tỷ lệ (%)
01	Xã Kiên Bình	2.385	-	-	2.144	90,31
02	Xã Hòa Điền	2.629	-	-	2.578	98,43
03	Xã Dương Hòa	1.950	-	-	1.877	96,75
04	Xã Bình An	3.161	-	-	3.039	96,65
05	Xã Bình Trị	1.592	-	-	1.582	99,37
06	Xã Sơn Hải	683	-	-	562	82,28
07	Xã Hòn Nghệ	692	-	-	681	89,35
Tổng cộng		13.092	-	-	12.463	95,19

Đánh giá: 07/07 xã đạt tiêu chí 9 về Nhà ở dân cư.

4.3. Phát triển kinh tế và tổ chức sản xuất

4.3.1. Về thu nhập - Tiêu chí 10

Thực hiện mục tiêu nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân ở nông thôn và làm nền tảng để thực hiện thành công các tiêu chí còn lại trong xây dựng nông thôn mới, trong những năm qua huyện Kiên Lương đã tập trung các giải pháp, huy động tối đa mọi nguồn lực để phát triển các lĩnh vực: nông nghiệp, thủy

¹ Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg ngày 12/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở, Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015, Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở.

sản, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ... từ đó tạo việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn. Từ khi thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới, đời sống người dân còn nhiều khó khăn, hiệu quả sản xuất không cao, thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn thấp.

Qua hơn 10 năm triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, nhiều chủ trương chính sách phát triển kinh tế - xã hội được thực hiện, việc phát triển sản xuất, chuyển dịch có hiệu quả cơ cấu kinh tế trên địa bàn huyện, từ đó thu nhập bình quân đầu người tăng hàng năm. Năm 2022, huyện Kiên Lương đã điều tra thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn 07 xã, kết quả được Cục thống kê phối hợp Chi cục Thống kê huyện thẩm tra, thẩm định; qua đó, tất cả các xã đều tính thu nhập khá đầy đủ các nội dung về thu nhập của hộ trên tất cả các ngành kinh tế, đúng phạm vi, đối tượng và phương pháp tính, nguồn thông tin để tính thu nhập bình quân đầu người năm 2022 được tính trọn trong năm. Kết quả thu nhập bình quân địa bàn huyện năm 2022 đạt 65,8 triệu đồng/người (cụ thể theo bảng 1 phần 4.3.2).

Đánh giá: 07/07 xã đạt tiêu chí 10 về Thu nhập.

4.3.2. Về Nghèo đa chiều - Tiêu chí 11

Cùng với việc thực hiện cơ cấu lại ngành kinh tế của huyện, trong những năm qua huyện thu hút đầu tư, đẩy mạnh phát triển doanh nghiệp; tăng cường công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm và xuất khẩu lao động, triển khai thực hiện nhiều chính sách an sinh xã hội, hỗ trợ nông nghiệp, nông thôn, chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số, chính sách giảm nghèo được triển khai kịp thời cho người dân.

Với các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước thực hiện hỗ trợ cho hộ nghèo, hàng năm được sự quan tâm của tỉnh, huyện Kiên Lương chỉ đạo thực hiện đồng bộ các chính sách giảm nghèo như: hỗ trợ về bảo hiểm y tế, khám chữa bệnh; hỗ trợ giáo dục, miễn giảm học phí, hỗ trợ tiền điện thấp sáng, nhà ở, hỗ trợ pháp lý cho hộ gia đình. Tập trung giải quyết vốn tín dụng, đào tạo nghề, giải quyết việc làm và giúp người nghèo tự tạo việc làm có nguồn thu nhập từng bước vươn lên thoát nghèo, ổn định cuộc sống. Ngoài ra, nhiều chương trình từ thiện như quỹ vì người nghèo, mạnh thường quân hỗ trợ gạo, tập sách, quần áo, xe đạp cho học sinh nghèo, tặng ti vi, đầu thu kỹ thuật số truyền hình mặt đất cho hộ nghèo thu nhập... từ đó tỷ lệ hộ nghèo hàng năm của huyện đều giảm từ 1,5 - 2%/ năm.

Năm 2022 thực hiện theo tiêu chí nghèo đa chiều, trên địa bàn huyện còn 1.024 hộ nghèo và cận nghèo (trong đó có 523 hộ nghèo và cận nghèo không có khả năng lao động), chiếm tỷ lệ 2,29%; riêng khu vực nông thôn còn 779/13.092 hộ nghèo và cận nghèo (trong đó có 442 hộ nghèo và cận nghèo không có khả năng lao động) chiếm 2,57%, 07/07 xã đạt tỷ lệ nghèo đa chiều dưới 4%, cụ thể như sau:

Bảng 1: Thu nhập bình quân/người và tỷ lệ nghèo đa chiều của 07 xã trên địa bàn huyện Kiên Lương năm 2022

STT	Đơn vị	Thu nhập bình quân người/năm (triệu đồng)	Tỷ lệ nghèo đa chiều (%)	Ghi chú
1	Xã Kiên Bình	59,5	2,59	
2	Xã Hòa Điền	64,6	3,60	
3	Xã Dương Hòa	67,6	3,54	
4	Xã Bình An	74,3	1,69	
5	Xã Bình Trị	59	3,84	
6	Xã Sơn Hải	65,2	0,44	
7	Xã Hòn Nghê	64,49	0,43	
Trung bình		65,8	2,29	

Đánh giá: 07/07 xã đạt tiêu chí 11 về Nghèo đa chiều.

4.3.3. Về Lao động - Tiêu chí 12

Huyện Kiên Lương rất chú trọng về công tác giải quyết việc làm cho người lao động với nhiều giải pháp được thực hiện đồng bộ. Trong những năm qua, huyện đã tổ chức đào tạo nguồn nhân lực, với đa dạng các hình thức đào tạo nghề cho lao động nông thôn góp phần nâng cao trình độ nhận thức của người lao động nông thôn, tạo ra nguồn nhân lực ngày càng có tay nghề và chuyên môn kỹ thuật, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội và chuyển dịch cơ cấu lao động từ nông nghiệp chuyển dần sang lao động phi nông nghiệp. Đồng thời, phối hợp với các trung tâm giới thiệu việc làm trong và ngoài tỉnh tổ chức tư vấn, giới thiệu việc làm đến các công ty, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh, đặc biệt chú trọng xuất khẩu lao động nhằm phát triển kinh tế - xã hội, ổn định an ninh, trật tự, chính trị ở địa phương. Bên cạnh đó, thông qua các hoạt động khuyến nông, khuyến ngư, hỗ trợ chuyển giao khoa học - kỹ thuật, tư vấn kiến thức trực tiếp cho hội viên của các tổ chức hội đoàn thể, cá nhân người lao động nhằm nâng cao kiến thức để áp dụng trong sản xuất - kinh doanh, phát triển kinh tế hộ gia đình. Kết quả tỷ lệ lao động qua đào tạo và có bằng cấp chứng chỉ như sau:

STT	Đơn vị	Lực lượng lao động	Số lao động qua đào tạo	Tỷ lệ lao động qua đào tạo (%)	Số lao động qua đào tạo có bằng cấp chứng chỉ	Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp chứng chỉ (%)
1	Xã Kiên Bình	5.812	4.097	70,5	1.482	25,5
2	Xã Hòa Điền	6.836	4.854	71,0	1.791	26,2

STT	Đơn vị	Lực lượng lao động	Số lao động qua đào tạo	Tỷ lệ lao động qua đào tạo (%)	Số lao động qua đào tạo có bằng cấp chứng chỉ	Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp chứng chỉ (%)
3	Xã Dương Hòa	5.309	3.727	70,2	1.354	25,5
4	Xã Bình An	8.066	6.009	74,5	2.379	29,5
5	Xã Bình Trị	4.221	2.955	70,0	1.076	25,5
6	Xã Sơn Hải	1.734	1.290	74,4	515	29,7
7	Xã Hòn Nghệ	1.691	1.277	75,5	528	31,2
Tổng cộng		33.669	24.290	71,9	9.125	27,1

Đánh giá: 07/07 xã đạt tiêu chí 12 về Lao động.

4.3.4. Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn - Tiêu chí 13

Phát triển các loại mô hình kinh tế hợp tác luôn được huyện Kiên Lương quan tâm chỉ đạo nhân rộng thường xuyên liên tục và gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm, đến nay toàn huyện có 22 hợp tác xã nông nghiệp đang hoạt động theo đúng quy định của Luật hợp tác xã năm 2012, với tổng số thành viên là 631 thành viên, tổng diện tích là 2.660ha, tổng vốn điều lệ là 896 triệu đồng. Hoạt động chủ yếu của hợp tác xã là cung ứng dịch vụ bơm tưới, cày xới, thu hoạch, dịch vụ gieo sạ, phun xịt, liên kết bao tiêu sản phẩm. Đặc biệt nuôi tôm, nuôi cá lồng bè, trồng lúa được xác định là cây trồng - thủy sản chủ lực của huyện, nên đã được quan tâm triển khai các chương trình phát triển sản xuất để thu hút các Công ty, doanh nghiệp ký hợp đồng liên kết tiêu thụ sản phẩm hàng năm.

Mô hình kinh tế hợp tác ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, giúp nông dân giảm chi phí, tăng lợi nhuận. Một số hợp tác xã tham gia chương trình xây dựng cánh đồng lớn sản xuất gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm với các công ty, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh mang lại hiệu quả cao góp phần tham gia phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương nhằm xây dựng thành công chương trình nông thôn mới. Nhìn chung, kinh tế hợp tác trên địa bàn huyện đã có nhiều chuyển biến theo hướng tích cực, giúp người dân yên tâm đầu tư phát triển sản xuất, giải quyết việc làm ở nông thôn. Đồng thời hình thành được các chuỗi liên kết giữa doanh nghiệp và hộ nông dân trên địa bàn, ổn định đầu ra cho sản phẩm, từng bước mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh, thị trường tiêu thụ ra các tỉnh lân cận, tất cả các xã đều có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững.

Huyện đã phối hợp Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh cấp 07 mã số vùng trồng cho các hợp tác xã và hộ dân với diện tích 190ha (trong đó sản phẩm lúa là 160 ha và khoai môn là 30ha). Đồng thời, tiếp tục triển khai Chương trình OCOP trên địa bàn các xã để thực hiện truy xuất nguồn gốc, thương mại

sản phẩm, qua đó đã đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh chứng nhận, 04 sản phẩm được Ủy ban nhân dân tỉnh chứng nhận sản phẩm OCOP

Trên địa bàn huyện có 03 nghề truyền thống (Mắm ruốc, đường Thốt nốt, Tôm khô) được Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận là nghề truyền thống, hiện nay huyện đã xây dựng kế hoạch bảo tồn, phát triển 03 nghề truyền thống gắn với hạ tầng về bảo vệ môi trường.

07/07 xã có Tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả, Tổ do đồng chí Phó Chủ tịch UBND xã phụ trách làm tổ trưởng và cán bộ Tổ kinh tế kỹ thuật xã làm tổ phó đã phối hợp và tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền chủ trương, chính sách, chuyển giao ứng dụng khoa học kỹ thuật, xây dựng nhân rộng mô hình trên địa bàn hiệu quả.

Đánh giá: 07/07 xã đạt tiêu chí 13 về Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn.

4.4. Phát triển giáo dục, y tế, văn hóa và môi trường

4.4.1. Về Giáo dục và Đào tạo- Tiêu chí 14

Huyện Kiên Lương thực hiện nhiều chủ trương, chính sách về giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, phân luồng học sinh, quy mô, mạng lưới trường lớp tiếp tục được mở rộng và phát triển. Đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục được tăng cường cả về số lượng và chất lượng. Cơ sở vật chất trường lớp, trang thiết bị dạy học được quan tâm đầu tư ngày một khang trang, sạch đẹp, đáp ứng ngày một tốt hơn yêu cầu dạy và học, từ đó làm cho chất lượng giáo dục từng bước được nâng lên; nhiều tiêu chí về phổ cập giáo dục và xóa mù chữ đạt khá cao, 07/07 xã duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi đi học đạt 99,91 % trở lên, hàng năm có 100% trẻ mầm non học 2 buổi/ngày; tỷ lệ huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 100%, tỷ lệ trẻ 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt 97,93%, 100% xã, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3; tỷ lệ thanh thiếu niên 15-18 tuổi có bằng tốt nghiệp đạt 97,13%, phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2; công tác xóa mù chữ duy trì đạt chuẩn mức độ 2 với tỷ lệ người 15 đến 60 tuổi biết chữ đạt 96,49%. Năm 2022 huyện đã được UBND tỉnh Kiên Giang công nhận và tiếp tục duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi với tỷ lệ trẻ hoàn thành chương trình Giáo dục mầm non đạt 99,45%; phổ cập giáo dục tiểu học duy trì đạt chuẩn mức độ 3; phổ cập giáo dục trung học cơ sở duy trì đạt chuẩn mức độ 2 theo Quyết định số 758/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Ngành giáo dục đã tăng cường đổi mới mô hình, phương pháp kỹ thuật dạy học, đồng thời nâng cao nhận thức và thực hiện kế hoạch về giáo dục hướng nghiệp, phân luồng học sinh sau khi tốt nghiệp THPT; củng cố vững chắc hiệu quả hoạt động của các trung tâm học tập cộng đồng, liên kết, phối hợp với các ban ngành đoàn thể mở lớp chuyển giao khoa học kỹ thuật, công nghệ, ngành nghề... Tỷ lệ học sinh (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) tốt nghiệp trung học cơ sở

được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp) đạt tỷ lệ 88,65%.

Đánh giá: 07/07 xã đạt tiêu chí 14 về Giáo dục và Đào tạo.

4.4.2. Về Y tế - Tiêu chí 15

Công tác tuyên truyền vận động người dân tham gia bảo hiểm y tế luôn được các cấp các ngành của huyện Kiên Lương quan tâm chỉ đạo thực hiện. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) trên địa bàn các xã là 44.315/47.917 người tham gia, đạt tỷ lệ 92,48% (chuẩn $\geq 90\%$), cụ thể như sau:

Tên xã Chỉ tiêu	Xã Kiên Bình	Xã Hòa Điền	Xã Dương Hòa	Xã Bình An	Xã Bình Trị	Xã Sơn Hải	Xã Hòn Nghê
Tỷ lệ người dân tham gia BHYT	91,0%	92,3%	92,0%	92,1%	91,1%	100%	100%
Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi	5,9%	5,95%	8,92%	7,14%	9,04%	6,73%	5,0%

Huyện Kiên Lương có 07/07 xã đạt chuẩn quốc gia về y tế theo Quyết định 2919/QĐ-UBND ngày 21/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Chất lượng khám chữa bệnh ở các xã tiếp tục được nâng lên, cơ sở vật chất y tế được quan tâm, từng bước hiện đại hóa trang thiết bị, hoàn thiện và nâng cao năng lực khám chữa bệnh toàn diện, đảm bảo đầy đủ cơ sở thuốc về chất và lượng. Đã nghiên cứu và ứng dụng khoa học, kỹ thuật vào công tác khám chữa bệnh. Luôn đẩy mạnh đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phục vụ cho công tác chẩn đoán và điều trị.

Các xã trên địa bàn huyện Kiên Lương có tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) các xã của huyện Kiên Lương năm 2022 là 8,15% (quy định $< 19\%$).

Trung tâm Y tế huyện phối hợp các xã, tổ chức tập huấn hướng dẫn cho cán bộ, viên chức và Trạm y tế, người dân về xây dựng sổ khám chữa bệnh điện tử, cài đặt phần mềm VN CARE. Từ đó tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử của các xã đều đạt $> 51\%$.

Đánh giá: 07/07 xã đạt tiêu chí 15 về Y tế.

4.4.3. Về văn hóa - Tiêu chí 16

Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với xây dựng nông thôn mới được phát huy hiệu quả, đời sống văn hóa tinh thần của người dân được chăm lo. Việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội gắn với Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” trên địa bàn huyện có chuyển biến tích cực, các hủ tục rườm rà, lạc hậu được loại bỏ dần; nét đẹp văn hóa truyền thống và bản sắc văn hóa dân tộc trong các hoạt động lễ hội được giữ gìn và phát huy. Các hoạt động về văn hóa, văn nghệ, thể

dục thể thao quần chúng trên địa bàn huyện luôn được quan tâm, được tổ chức thường xuyên, thu hút nhiều người tham gia, phát huy được các thiết chế đã đầu tư, góp phần đáng kể trong luyện tập, nâng cao thể lực, sức khỏe, hạnh phúc gia đình.

Các ngành, các cấp trên địa bàn huyện quan tâm chỉ đạo và thực hiện tốt Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” gắn với xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện và đã phát huy hiệu quả, Ban Vận động các ấp, khu phố bám sát quy chế hoạt động. Đời sống văn hóa tinh thần của người dân được chăm lo, các phong trào lao động sáng tạo, nêu gương người tốt, việc tốt, thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội. Đến nay toàn huyện có 33/34 ấp được công nhận đạt chuẩn văn hóa theo quy định đạt tỷ lệ 98,6% (theo quy định > 70%).

Đánh giá: 07/07 xã đạt tiêu chí 16 về Văn hóa.

4.4.4. Về môi trường và an toàn thực phẩm - Tiêu chí 17

- Về tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn: Trên địa bàn huyện Kiên Lương đã được tỉnh đầu tư 04 nhà máy nước, trong đó: 02 nhà máy nước do Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh quản lý và 02 nhà máy nước do Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Kiên Giang quản lý phục vụ cung cấp nước sinh hoạt cho nhân dân trên địa bàn huyện. Qua rà soát, trên địa bàn huyện có 8.222/13.092 hộ dân nông thôn sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung, đạt tỷ lệ 62,8%, cụ thể như sau:

STT	Đơn vị	Tổng số hộ	Số hộ sử dụng nước sạch theo quy định	Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch theo quy định
1	Xã Kiên Bình	2.385	1.068	44,78%
2	Xã Hòa Điền	2.629	1.789	68,05%
3	Xã Dương Hòa	1.950	1.533	78,62%
4	Xã Bình An	3.161	2.376	75,17%
5	Xã Bình Trị	1.592	704	44,22%
6	Xã Sơn Hải	683	60	8,78%
7	Xã Hòn Nghệ	686	692	100%
Toàn huyện		13.092	8.222	62,8%

Đối với xã Sơn Hải đang được Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh đầu tư Trạm cấp nước, dự kiến đến năm 2024 sẽ hoàn thành và đưa vào sử dụng cấp nước cho tất cả hộ dân của xã, từ đó sẽ nâng tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung của xã đạt 100%.

- Về tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường: Huyện Kiên Lương có tổng số 543 sản xuất kinh doanh, nuôi trồng thủy sản thuộc đối tượng thực hiện thủ tục về môi trường, trong đó có 05 công ty nuôi tôm công nghiệp với quy mô lớn. Qua rà soát các đối tượng này đã thực hiện thủ tục môi trường, trong quá trình hoạt động các đơn vị đã chấp hành và thực hiện đầy đủ các nội dung, giải pháp bảo vệ môi trường đã đăng ký, đạt tỷ lệ 100%.

Các cơ sở đều có hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường để thu gom, phân loại, lưu giữ, tái chế hoặc xử lý chất thải đảm bảo đúng quy định. Đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh hoặc các hộ gia đình nuôi trồng thủy sản quy mô nhỏ, không thuộc đối tượng thực hiện thủ tục môi trường thì đều có biện pháp thu gom hoặc bố trí ao lắng trước khi xả thải vào môi trường, không gây ô nhiễm môi trường, trong quá trình nuôi trồng không sử dụng thuốc thú y thủy sản, hóa chất đã hết hạn sử dụng hoặc ngoài danh mục cho phép, tuân thủ quy hoạch nuôi trồng thủy sản của địa phương. Trên địa bàn huyện chưa có làng nghề được công nhận.

- Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung: Cảnh quan môi trường, đường làng ngõ xóm, khu dân cư đều được chỉnh trang đảm bảo sạch, đẹp và trồng hàng rào xanh. Tại trung tâm các xã, nhà văn hóa ấp, nhà trẻ, trường học đều có hàng rào xanh, trồng hoa cây cảnh tạo điểm nhấn chính về cảnh quan môi trường. Hệ thống ao, hồ sinh thái trong khu dân cư được nạo vét, tu bổ thường xuyên nhằm tạo không gian, cảnh quan sinh thái và điều hòa môi trường, tạo mặt bằng thoáng, điều tiết khí hậu, tạo cảnh quan đẹp và có khả năng phát triển chăn nuôi, thủy sản, tạo nguồn lợi kinh tế.

- Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn: Hệ thống cây xanh trên toàn huyện Kiên Lương được đầu tư thực hiện tốt song song với việc vận động Nhân dân cùng tham gia thực hiện nhằm tạo cảnh quan môi trường và tạo không gian xanh cho nông thôn. Hàng năm, huyện Kiên Lương chỉ đạo các ngành phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tổ chức ra quân thực hiện các công trình như tuyến đường hoa, trồng cây xanh phân tán, trồng rừng theo chỉ tiêu kế hoạch đề ra, trọng tâm là việc triển khai thực hiện Kế hoạch số 126/KH-UBND ngày 29/6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang triển khai Quyết định số 524/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án Trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Đến nay, trên địa bàn huyện có 07/07 xã đã triển khai trồng cây xanh ở các điểm công cộng tại các khu dân cư nông thôn đảm bảo cho người dân tiếp cận. Tổng diện tích đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn là 111.437m²/47.916 người, bình quân đạt 2,47m²/người (so với yêu cầu tiêu chí là $\geq 2\text{m}^2/\text{người}$). Cụ thể như sau:

STT	Đơn vị	Số nhân khẩu quản lý (người)	Diện tích đất trồng cây xanh công cộng (m ²)	Tỷ lệ m ² /người
1	Xã Kiên Bình	9.767	20.511	2,1
2	Xã Hòa Điền	5.990	13.178	2,2
3	Xã Dương Hòa	11.267	28.168	2,5
4	Xã Bình An	8.272	18.198	2,2
5	Xã Bình Trị	7.603	15.966	2,1
6	Xã Sơn Hải	2.440	10.004	4,1
7	Xã Hòn Nghê	2.577	5.412	2,1
Tổng		47.916	111.437	2,47

- Về mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch: Trên địa bàn các xã, đa số được mai táng tại Nghĩa trang nhân dân huyện Kiên Lương (địa điểm: đường ĐT.971, ấp Ba Trại, xã Bình An) được đầu tư xây dựng từng bước theo quy hoạch đã được phê duyệt tại Quyết định số 4075/QĐ-UBND ngày 01/10/2013 của Chủ tịch UBND huyện Kiên Lương với quy mô: 109.581m²; việc mai táng trên địa bàn xã được thực hiện theo quy định; việc hỏa táng của người dân tại địa phương được thực hiện tại các chùa Khmer (Chùa Núi Trầu, Chùa Bãi Chà Và...) đảm bảo vệ sinh môi trường theo quy định.

- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định: Tổng khối lượng rác thải phát sinh trên địa bàn toàn huyện là 54,647 tấn/ngày, trong đó đô thị là 25,375 tấn/ngày, nông thôn là 27,272 tấn/ngày. Đến nay, trên địa bàn 08 xã, thị trấn có 21.260/22.180 hộ có giải pháp xử lý chất thải rắn sinh hoạt chiếm 95,85%, với tổng lượng rác là 52,5 tấn/ngày. Trong đó, có 19.163 hộ (chiếm 86,4%), với khối lượng 50 tấn/ngày (đạt 91,5%) được Ban Quản lý công trình công cộng thu gom, vận chuyển về bãi rác của huyện, số hộ dân còn lại thuộc khu vực không nằm trong tuyến thu gom của huyện thì người dân tự thu gom, xử lý bằng phương pháp chôn lấp, ủ phân hữu cơ bón cho cây trồng hoặc đốt rác tại các hố tự đào trong khuôn viên diện tích đất nhà.

+ Đối với chất thải xây dựng, phát sinh chủ yếu từ các công trình dân dụng, nhà ở của người dân trên địa được tái sử dụng để san lấp mặt bằng.

+ Đối với phụ phẩm nông nghiệp được người dân sử dụng làm thức ăn cho chăn nuôi gia súc, gia cầm, nuôi trồng thủy sản, làm nấm rơm, trồng khoai môn và làm phân bón cây trồng, một số khác người dân bán cho thương lái vận chuyển đi tỉnh khác,... không xuất hiện tình trạng đốt rơm tại đồng.

+ Chất thải rắn công nghiệp thông thường: Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường trên địa bàn huyện phát sinh khối lượng không đáng kể, được các cơ sở tự thu gom, bán phế liệu.

- Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường:

+ Đối với bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng: Hàng năm trên địa bàn các xã có khoảng 27,6 tấn/năm bao gói thuốc bảo vệ thực vật dùng trong nông nghiệp - thủy sản. Để giải quyết lượng chất thải này, hàng năm, ngành nông nghiệp đã xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển bao gói thuốc bảo vệ thực vật đã qua sử dụng đồng thời Ủy ban nhân dân huyện đã xây dựng Kế hoạch số 179/KH-UBND ngày 23/12/2022 về việc phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại trên địa bàn huyện Kiên Lương giai đoạn 2022-2025. Trên cơ sở đó đầu tư, xây dựng, bố trí các hố thu gom bao gói thuốc bảo vệ thực vật đã qua sử dụng trên địa bàn huyện, đến nay trên địa bàn có 125 bể chứa, hố thu gom và huyện đã ký hợp đồng vận chuyển, hỗ trợ xử lý với Công ty TNHH Siam Cement City Việt Nam đóng trên địa bàn huyện để xử lý theo đúng quy định.

+ Đối với chất thải rắn y tế: Qua thống kê, lượng chất thải y tế thông thường phát sinh trên địa bàn toàn huyện là 599,17kg/tháng, khối lượng rác thải này được các cơ sở y tế phân loại, thu gom riêng biệt với rác thải y tế nguy hại và xử lý đảm bảo quy định. Còn đối với chất thải y tế nguy hại phát sinh khoảng 819,25kg/tháng, số lượng này được thu gom vào thùng chuyên dụng có gắn nhãn rác y tế nguy hại, khi số lượng nhiều được chuyển giao cho Trung tâm Y tế huyện xử lý theo quy trình của ngành Y tế.

- Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch: thực hiện tốt phong trào “5 không, 3 sạch” như sử dụng các loại bồn, lu, dụng cụ chứa nước để chứa nước sinh hoạt phục vụ ăn uống, sinh hoạt. Ngoài ra, Hội Liên hội phụ nữ huyện còn tranh thủ vận động các công ty kinh doanh các mặt hàng bồn cầu, bồn chứa nước cho Hội viên phụ nữ vay để thực hiện phong trào “5 không, 3 sạch”; Ngân hàng Chính sách xã hội huyện cho các hộ dân vay vốn để thực hiện xây dựng các công trình như: xây dựng nhà tắm, nhà tiêu, dụng cụ chứa nước sinh hoạt... Qua rà soát trên địa bàn 07/07 xã, hiện có 11.106/13.092 hộ gia đình có xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh đạt 84,83%; có 11.657/13.092 hộ có nhà tắm hợp vệ sinh đạt 89,04%; 11.873/13.092 hộ có bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 90,69%; hộ đảm bảo 3 sạch 11.722/13.092 đạt 89,54%. Kết quả tổng số hộ trên địa bàn 07 xã, hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch là 11.589/13.092 hộ đạt tỷ lệ 88,53% (chuẩn $\geq 70\%$).

- Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường: Trên địa bàn huyện hiện có 217/243 cơ sở chăn nuôi, các cơ sở chăn nuôi chủ yếu là các hộ gia đình chăn nuôi nhỏ lẻ để tận dụng thức ăn thừa phát sinh. Quy mô chuồng trại có quy mô diện tích chuồng nhỏ hơn 50m² (chủ yếu là tự chăn nuôi để tự cung tự cấp). Các cơ sở chăn nuôi đều nằm cách

biệt với nhà ở và đường đi chung ít nhất 5m, có xây dựng bể biogas, đệm sinh học hoặc các bể lắng lọc xử lý nước thải. Tỷ lệ hộ chăn nuôi đảm bảo các quy định về bảo vệ môi trường chiếm tỷ lệ 89,3% (quy định $\geq 70\%$).

- Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm: Công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm đã được quan tâm chỉ đạo thực hiện. Hàng năm, Ủy ban nhân dân huyện, Ban chỉ đạo liên ngành về vệ sinh an toàn thực phẩm kịp thời quán triệt và xây dựng các Kế hoạch để thực hiện các văn bản chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh về an toàn thực phẩm như công tác thông tin, truyền thông về an toàn thực phẩm để nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm trong công tác đảm bảo an toàn thực phẩm; Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát về an toàn thực phẩm được duy trì thường xuyên và được tổ chức thành các đợt cao điểm hàng năm trong các ngày lễ, ngày tết, tháng hành động vì an toàn thực phẩm. Hiện nay, trên địa bàn các xã có 342 hộ gia đình, cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về bảo đảm an toàn thực phẩm đạt 100%.

- Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn: Để triển khai thực hiện hiệu quả nội dung về phân loại rác thải tại nguồn trong xây dựng nông thôn mới, huyện đã chỉ đạo các cơ quan ban ngành và các xã, thị trấn đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn cho người dân trên địa bàn được biết và hướng dẫn, vận động người dân tham gia thực hiện mô hình xử lý rác thải tại nhà (thùng ủ rác) cho các hộ gia đình tại vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa chưa có xe thu gom rác đến để thu gom vận chuyển rác, đã tổ chức được 232 cuộc với 4.108 lượt người trên tất cả các xã, thị trấn. Đến nay, hầu hết các xã, thị trấn đều có mô hình phân loại rác thải tại nguồn được các hội, đoàn thể phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường thành lập. Tính đến nay số lượng hộ gia đình thực hiện phân loại rác thải tại nguồn trên địa bàn huyện 5.446/13.092 hộ, đạt 41,6%.

- Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định: Nhận thức được tác hại và nguy cơ ô nhiễm môi trường từ rác thải nhựa, thực hiện theo sự chỉ đạo của tỉnh, huyện đã phát động tới các xã thực hiện phong trào chống rác thải nhựa, qua đó nhiều tổ chức và các cá nhân, hộ gia đình đã có hành động thiết thực, ý nghĩa, hiệu quả để chống, giảm thiểu rác thải nhựa bằng các biện pháp như thu gom, tái sử dụng, xử lý theo quy định. Trường học và các ngành đoàn thể huyện cũng tự phân loại bán cho các cơ sở thu mua phế liệu. Chủ yếu một phần chất thải nhựa được bán phế liệu để chuyển đến các cơ sở tái chế tại các địa phương khác, huyện đã tổ chức thành lập được 18 mô hình hạn chế sử dụng túi nilông, phòng chống rác thải nhựa, đổi các sản phẩm có thể tái chế để lấy nhu yếu phẩm, qua đó đã hỗ trợ 235 giỏ nhựa và 5.000 túi vải cho các hội viên tham gia. Qua khảo sát, thống kê chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn các xã được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý khoảng 452,42 tấn/năm đạt tỷ lệ 52,32% (quy định $\geq 50\%$) trên tổng lượng phát sinh (864,73 tấn/năm).

Đánh giá: 07/07 đạt tiêu chí 17 về Môi trường và an toàn thực phẩm.

4.5. Về xây dựng hệ thống chính trị xã hội vững mạnh và gìn giữ an ninh, trật tự xã hội

4.5.1. Về hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật - Tiêu chí 18

- Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn: 07/07 xã có cán bộ, công chức đạt chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ đúng theo quy định với tổng cộng 151/151 cán bộ, công chức, đạt 100%. Bên cạnh đó, công tác đào tạo, bồi dưỡng được thực hiện thường xuyên để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cán bộ, công chức.

- Đảng bộ, chính quyền xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên: Hệ thống chính trị xã có đầy đủ các tổ chức hoạt động có hiệu quả đi vào nề nếp ổn định và đáp ứng nhu cầu nhiệm vụ được giao, 07/07 có Đảng bộ, chính quyền xã được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

- Tổ chức chính trị - xã hội của xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên: Các tổ chức chính trị - xã hội của các xã bao gồm Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Công đoàn cơ sở đều được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

- Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định: các xã và thị trấn trên địa bàn huyện xây dựng và đạt các điều kiện tiêu chí, chỉ tiêu theo quy định về cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Kiên Lương ban hành Quyết định công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật tại Quyết định số 250/QĐ-UBND ngày 09/02/2023 của Ủy ban nhân dân huyện về việc Công nhận xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2022.

- Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; phòng chống xâm hại trẻ em; bảo vệ và hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có); bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong gia đình và đời sống xã hội: Trong những năm qua, huyện Kiên Lương luôn thực hiện tốt công tác lãnh đạo, chỉ đạo các ngành, các đoàn thể thường xuyên tăng cường hoạt động tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật về bình đẳng giới, đẩy mạnh thực hiện lồng ghép các mục tiêu Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới, nhằm nâng cao nhận thức trong cộng đồng xã hội về những nội dung, kiến thức, văn bản pháp luật liên quan đến bình đẳng giới; hàng năm, tổ chức nhiều cuộc Hội thảo, Hội thi tìm hiểu kiến thức pháp luật về bình đẳng giới; tổ chức triển khai thực hiện các Mô hình đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình, bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực gia đình và đời sống xã hội. Tất cả các xã đều có nữ trong Ban thường vụ Đảng ủy hoặc có từ 1-2 nữ là lãnh đạo chủ chốt của xã và có nhiều nữ tham gia nhiều các hoạt động xã hội, các mô hình phát triển kinh tế, chủ các doanh nghiệp; có thành lập mô hình địa chỉ tin cậy phòng chống bạo lực gia đình và sử dụng trụ sở Công an xã làm nhà tạm lánh nhằm phòng chống bạo lực gia đình, hiện tại trên địa bàn xã không có sự việc đáng tiếc xảy ra về bạo

lực gia đình. Có bố trí Công chức Văn hó xã hội theo dõi lĩnh vực trẻ em; việc chăm sóc, bảo vệ trẻ em được quan tâm, hàng năm đều tổ chức các sân chơi, thăm hỏi, tặng quà cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn nhân các dịp lễ, tết, trong đó tạo điều kiện tốt để trẻ em được đến trường, vui chơi...

- Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của ban phát triển ấp: Hàng năm các xã có xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Phát triển ấp. Bên cạnh đó, hàng năm Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh và các Sở ngành tỉnh phối hợp với huyện Kiên Lương tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng nâng cao kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho thành viên Ban Chỉ đạo huyện, cán bộ phụ trách, Ban quản lý xã, Ban phát triển thôn, Ban Giám đốc hợp tác xã, tổ hợp tác và người dân.

Đánh giá: 07/07 xã đạt tiêu chí 18 về Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật.

4.5.2. Về Quốc phòng và an ninh - Tiêu chí 19

- Xây dựng lực lượng dân quân “Vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành chỉ tiêu quốc phòng: Ban chỉ huy quân sự 07 xã đảm bảo đủ biên chế theo quy định, đảm bảo trình độ chuyên môn và hàng năm được tập huấn đầy đủ, 07/07 xã có trụ sở riêng cho Ban chỉ huy quân sự. Lực lượng dân quân ở 07 xã được xây dựng đủ số lượng, đảm bảo chất lượng, xây dựng lực lượng dân quân so với dân số. Hàng năm Ban chỉ huy quân sự xã tham mưu Ủy ban nhân dân xã tổ chức tốt ngày kết nạp dân quân mới và công nhận dân quân nông cốt đã hoàn thành nghĩa vụ, đạt 100% chỉ tiêu trên giao, không có quân nhân đào ngũ, bỏ ngũ; không có khiếu nại, tố cáo, tiêu cực liên quan đến công tác tuyển quân. Ban Chỉ huy quân sự xã chủ trì phối hợp với các ban ngành, đoàn thể xã thực hiện có hiệu quả công tác Quốc phòng - Quân sự địa phương theo sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy chính quyền địa phương và chỉ thị, mệnh lệnh, hướng dẫn của cơ quan quân sự cấp trên.

- Không có hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về xâm hại trẻ em; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc,...) và tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiểm chế, giảm so với năm trước; có một trong các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả: Hàng năm Đảng ủy các xã trên địa bàn huyện đều ban hành Nghị quyết, Ủy ban nhân dân các xã xây dựng Kế hoạch về công tác đảm bảo an ninh, trật tự và tiến hành triển khai ký cam kết, đăng ký phần đầu đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” đến các hộ dân, cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường trên địa bàn huyện.

Không có khiếu kiện đông người kéo dài, khiếu kiện vượt cấp trái pháp luật, tình hình trật tự an toàn xã hội trên địa bàn các xã ổn định, không xảy ra trọng án và các vi phạm pháp luật làm ảnh hưởng đến an ninh trật tự trên địa bàn huyện. Các loại tội phạm, tệ nạn xã hội hàng năm đều giảm so với các năm trước. Hàng năm các xã đều đạt chuẩn “An toàn về an ninh trật tự” theo quy định. Lực lượng Công an xã được củng cố, kiện toàn đảm bảo về số lượng và chất lượng, hàng năm đều hoàn thành tốt nhiệm vụ, không có cá nhân nào vi phạm kỷ luật.

Đánh giá: 07/07 xã đạt tiêu chí 19 về Quốc phòng và an ninh.

5. Kết quả thực hiện tiêu chí huyện nông thôn mới

5.1. Tiêu chí 1 về Quy hoạch

5.1.1. Yêu cầu của tiêu chí

- Có quy hoạch xây dựng vùng huyện được phê duyệt còn thời hạn hoặc được rà soát, điều chỉnh theo quy định, trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn.

- Có công trình hạ tầng kỹ thuật thiết yếu hoặc hạ tầng xã hội thiết yếu được đầu tư xây dựng theo quy hoạch xây dựng vùng huyện đã được phê duyệt ≥ 01 công trình.

5.1.2. Kết quả thực hiện

- Quy hoạch xây dựng vùng huyện Kiên Lương được phê duyệt tại Quyết định số 3309/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang. Trong đó: có quy hoạch khu chức năng để hỗ trợ sản xuất vùng nuôi trồng thủy sản như: Sản xuất con tôm giống của Công ty Cổ phần chăn nuôi CP; chế biến tôm đông lạnh xuất khẩu của Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Trung Sơn.

- Trên địa bàn huyện hiện đang triển khai đầu tư 02 dự án thuộc lĩnh vực giao thông và phát triển nông nghiệp, có tầm quan trọng là động lực để phát triển kinh tế - xã hội toàn huyện như:

+ Tuyến đường tránh thị trấn Kiên Lương được đầu tư xây dựng theo Quyết định số 197/QĐ-UBND ngày 09/02/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Kiên Lương với chiều dài 10,62 km, quy mô đường cấp III đồng bằng, 2 làn xe cơ giới, kinh phí thực hiện 350 tỷ đồng. Hiện đang triển khai chuẩn bị đầu tư: Thẩm định Bản vẽ thiết kế thi công và bồi thường giải phóng mặt bằng.

+ Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 80 đoạn Km188+700 đến Km204+300: Quyết định số 2513/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang. Hiện đang triển khai thi công hoàn thành trong quý II năm 2023.

Đánh giá: Huyện đạt tiêu chí 1 về Quy hoạch theo Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

5.2. Tiêu chí 2 về Giao thông

5.2.1. Yêu cầu của tiêu chí

- Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối tới các xã và được bảo trì hàng năm.
- Tỷ lệ km đường huyện đạt chuẩn theo quy hoạch.
- Tỷ lệ km đường huyện được trồng cây xanh dọc tuyến đường (chỉ tiêu $\geq 50\%$).
- Bến xe khách tại trung tâm huyện (nếu có theo quy hoạch) đạt tiêu chuẩn loại IV trở lên.

5.2.2. Kết quả thực hiện

- Hệ thống giao thông đường bộ trên địa bàn huyện: Cấp đường tỉnh, đường huyện phù hợp với quy hoạch được duyệt, được bảo trì hàng năm, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm và kết nối tới trung tâm hành chính các xã trên địa bàn huyện đạt tỷ lệ theo quy định.

- Hàng năm trên cơ sở quy hoạch giao thông trên địa bàn, huyện tranh thủ các nguồn vốn đầu tư xây dựng đường, cầu tuyến huyện kết nối với các xã phục vụ tốt nhu cầu vận chuyển lưu thông hàng hóa và đi lại của nhân dân:

+ Đường Quốc lộ 80 (Từ ranh Hòn Đất tới ranh Hà Tiên) với tổng chiều dài 29 km, kết nối qua các xã Kiên Bình, thị trấn Kiên Lương, xã Dương Hòa;

+ Đường tỉnh: Theo Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 18/01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang thì huyện Kiên Lương có 02 tuyến đường tỉnh với tổng chiều dài 52.2 km được nhựa hóa đạt 100%;

+ Về đường huyện do huyện quản lý: Theo Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 18/01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang thì huyện Kiên Lương có 06 tuyến đường huyện, với tổng chiều dài 51,5 km được nhựa hóa đạt 100%; cấp đường huyện phù hợp với quy hoạch được duyệt, được bảo trì hàng năm, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm và kết nối tới trung tâm hành chính các xã trên địa bàn huyện;

+ Hệ thống cầu, cống trên các tuyến đường được xây dựng kiên cố, phù hợp với cấp đường quy hoạch đảm bảo ô tô lưu thông được theo quy hoạch phát triển giao thông nông thôn của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang tại Quyết định số 2758/QĐ-UBND ngày 26/12/2014;

+ Đường thủy: Đường thủy nội địa do huyện quản lý được lắp đặt hệ thống báo hiệu đảm bảo an toàn, thuận tiện cho các phương tiện lưu thông. Có 2 bến tàu phục vụ vận chuyển hành khách (bến tàu Ba Hòn và bến tàu Tiến Triễn) ra các xã đảo Hòn Nghê, Sơn Hải.

- Tỷ lệ km đường huyện được trồng cây xanh dọc tuyến: Huyện đã tập trung trồng cây xanh trên các tuyến đường huyện với chiều dài 51,5/51,5 km, đạt tỷ lệ 100% (tuyến đường Moso được triển khai trồng cây Giáng Hương dọc 2 bên đường với chiều dài 3,8 km; Đường Hòn Heo ĐH.13 trồng cây Tràm Bông vàng dọc 2 bên đường dài 7,7km; Đường Nông Trường ĐH.14 trồng Tràm Bông vàng dài 10,5 km; Đường T3 ĐH.15 trồng hoa Hoàng Yến dài 15km;

Đường Hòn Nghệ DH.16 trồng hoa Hoàng Yến dài 7,5km; Đường Sơn Hải DH.17 trồng hoa Hoàng Yến và hoa Quỳnh Anh dài 7,0km).

- Bến xe khách tại trung tâm huyện: Bến xe huyện Kiên Lương được đầu tư theo Quy hoạch chi tiết Khu đô thị mới Ba Hòn được phê duyệt tại Quyết định số 527/QĐ-UB ngày 19/3/1999 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang. Được đánh giá xếp loại là bến xe loại IV theo Quyết định số 99/QĐ-SGTVT ngày 09/03/2023 của Sở Giao thông Vận tải Kiên Giang, bến tàu khách Kiên Lương được hoạt động theo Giấy phép số 969/GPBTND ngày 19/10/2020 của Sở Giao thông Vận tải tỉnh Kiên Giang. Ngoài ra, huyện Kiên Lương còn có 2 bến tàu phục vụ vận chuyển hành khách đi xã đảo. Trong đó: bến tàu Ba Hòn và bến tàu Tiến Triển được cấp phép hoạt động (lần lượt theo Quyết định số 612/QĐ-SGTVT ngày 23/11/2022 và Quyết định số 179/QĐ-SGTVT ngày 18/3/2022 của Sở Giao thông vận tải Kiên Giang) phục vụ vận chuyển hành khách và hàng hóa từ trung tâm huyện với 2 xã đảo, đảm bảo các điều kiện về an toàn.

Đánh giá: Huyện đạt tiêu chí 2 về Giao thông theo Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

5.3. Tiêu chí 3 về Thủy lợi và phòng, chống thiên tai

5.3.1. Yêu cầu của tiêu chí

- Hệ thống thủy lợi liên xã đồng bộ với hệ thống thủy lợi các xã theo quy hoạch.
- Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ.

5.3.2. Kết quả thực hiện

- Trên địa bàn huyện Kiên Lương hệ thống thủy lợi của huyện được xây dựng phù hợp với quy hoạch thủy lợi đã được phê duyệt (theo Quyết định số 558/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh và Quyết định số 1415/QĐ-UBND ngày 08/6/2022 về việc phê duyệt bổ sung). Công tác thủy lợi luôn được huyện quan tâm thực hiện, hàng năm đều lập danh mục nạo vét và nâng cấp các công trình thủy lợi nhằm đảm bảo đáp ứng nhu cầu sản xuất và phục vụ dân sinh. Đến nay, hệ thống thủy lợi liên xã được xây dựng đồng bộ theo quy hoạch thủy lợi phục vụ nông nghiệp đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030. Trên địa bàn huyện có 149 công trình kênh với chiều dài 719,9 km; 37 cống điều tiết nước, 07 trạm bơm điện, hàng năm đều được rà soát nạo vét, nâng cấp sửa chữa đảm bảo nhu cầu tưới, tiêu nước phục vụ sản xuất và lưu thông hàng hóa. Qua rà soát toàn huyện có 49.629,78/49.319,22ha diện tích đất nông nghiệp được tưới tiêu chủ động, đạt 99,37%. Từ việc đầu tư có hiệu quả, nên hệ thống thủy lợi trên địa bàn huyện cơ bản đáp ứng được yêu cầu của nhân dân trong sản xuất, vận chuyển hàng hóa và nuôi trồng thủy sản..

- Huyện Kiên Lương thường xuyên kiện toàn Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và phòng thủ dân sự huyện theo Quyết định số

398/QĐ-UBND ngày 24/3/2022; có phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong Ban Chỉ huy. Đồng thời xây dựng phương án và thường xuyên rà soát bổ sung phương án phòng chống thiên tai trên địa bàn huyện. Các hoạt động phòng chống thiên tai được triển khai sớm, chủ động và có hiệu quả, đáp ứng nhu cầu khi có tình huống xảy ra theo phương châm “4 tại chỗ”. Qua đánh giá, huyện đạt 82/100 điểm qua đó đủ điều kiện đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ.

Đánh giá: Huyện đạt tiêu chí 3 về Thủy lợi và phòng, chống thiên tai theo Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ:

5.4. Tiêu chí 4 về Điện

5.4.1. Yêu cầu của tiêu chí

Hệ thống điện liên xã đồng bộ với hệ thống điện các xã theo quy hoạch, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của cả hệ thống.

5.4.2. Kết quả thực hiện

Hệ thống điện phân phối toàn huyện có 332,634 km đường dây trung thế; 319,449 km đường dây hạ thế; 826 trạm biến áp với dung lượng 213.500 kVA; tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên an toàn từ các nguồn đạt 99,96% do Chi nhánh Điện lực Kiên Lương quản lý và vận hành. Hệ thống điện phân phối liên xã, đáp ứng thông số kỹ thuật quy định. Hệ thống điện trên địa bàn huyện thường xuyên được đầu tư cải tạo, nâng cấp đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của cả hệ thống, hệ thống điện đầu tư giai đoạn 2021-2025 phù hợp với quy hoạch phát triển điện lực tỉnh sau năm 2021, đảm bảo nguồn cung cấp điện đáp ứng nhu cầu sử dụng điện trong sinh hoạt, sản xuất của Nhân dân và phát triển kinh tế - xã hội của huyện giai đoạn 2021-2025 và những năm tiếp theo.

Đánh giá: Huyện đạt tiêu chí 4 về Điện theo Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

5.5. Tiêu chí 5 về Y tế - Văn hóa - Giáo dục

5.5.1. Yêu cầu của tiêu chí

- Trung tâm Y tế huyện đạt chuẩn.
- Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt chuẩn, có nhiều hoạt động văn hóa - thể thao kết nối với các xã.
- Tỷ lệ trường Trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên ($\geq 60\%$).
- Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đạt kiểm định chất lượng giáo dục (cấp độ 1).

5.5.2. Kết quả thực hiện

- Trên địa bàn huyện Kiên Lương, trước đây có Bệnh viện đa khoa huyện và Trung tâm Y tế huyện, đến ngày 17/9/2018 Trung tâm Y tế huyện được thành lập trên cơ sở sáp nhập Bệnh viện đa khoa huyện và Trung tâm Y tế huyện theo

Quyết định 2052/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh và đến ngày 02/7/2019 UBND tỉnh ban hành Quyết định 1452/QĐ-UBND công nhận xếp hạng II. Trung tâm Y tế huyện quy mô 165 giường bệnh; hàng năm đã tổ chức thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân trên địa bàn huyện, về cơ sở hạ tầng:

+ Về mặt bằng tổng thể: Vị trí khu đất Trung tâm Y tế huyện xây dựng phù hợp với quy mô được duyệt và có đường giao thông. Tổng số diện tích cơ sở khám, chữa bệnh: 20.523m², diện tích phục vụ khám, chữa bệnh: 13.243m². Tuân thủ các quy định chung về yêu cầu quy hoạch tổng thể mặt bằng theo tiêu chuẩn quốc gia thiết kế bệnh viện đa khoa. Kết cấu cơ sở hạ tầng xây dựng kiên cố bằng bê tông cốt thép theo Quyết định số 749/QĐ-UBND ngày 16/04/2001 về việc đầu tư xây dựng Bệnh viện đa khoa Kiên Lương của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang. Toàn bộ cơ sở vật chất của Trung tâm Y tế huyện thuộc nhà loại II được thiết kế có 04 dãy phòng làm việc. Trung tâm Y tế huyện Kiên Lương thành lập các khoa, phòng theo quy định (Thông tư số 07/2021/TT-BYT ngày 27/5/2021) có trang thiết bị được đầu tư đồng bộ, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ khám chữa bệnh của người dân với quy mô 165 giường bệnh, cơ cấu tổ chức trình độ chuyên môn đội ngũ y bác sĩ luôn đảm bảo theo đúng quy định, diện tích khu đất bình quân cho 01 giường bệnh là 80,26 m² đáp ứng theo tiêu chuẩn quốc gia thiết kế bệnh viện huyện theo tiêu chuẩn quốc gia.

Trung tâm Y tế huyện và Trạm y tế các xã, thị trấn đều thực hiện tốt công tác y tế dự phòng, đến điều trị, làm tốt công tác trong chăm sóc sức khỏe nhân dân trên địa bàn huyện, phát hiện sớm xử lý dập tắt dịch kịp thời, không để dịch lớn xảy ra trên địa bàn huyện.

- Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt chuẩn, có nhiều hoạt động văn hóa - thể thao kết nối với các xã:

+ Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thanh huyện được thành lập theo Quyết định số 834/QĐ-UBND ngày 03/4/2020 của UBND tỉnh Kiên Giang trên tinh thần sáp nhập từ Trung tâm Văn hóa, thể thao và Du lịch huyện, Đài truyền thanh huyện và Ban Quản lý di tích lịch sử - Danh thắng huyện. Tổng diện tích đất được quy hoạch quy mô 67.105 m², trong đó diện tích sử dụng đảm bảo theo quy định trên 5.000 m² gồm sân vận động, đường chạy điền kinh, trụ sở Trung tâm Văn hóa huyện, nhà thi đấu đa năng diện tích 462,5 m²; diện tích hoạt động trong nhà gồm văn phòng làm việc và phục vụ hoạt động chuyên môn đảm bảo theo quy định. Hiện tại đã đầu tư xây dựng và đưa vào sử dụng Nhà thi đấu đa năng đảm bảo, Hội trường sức chứa trên 350 chỗ ngồi, ngoài ra huyện cũng đã trung dụng Hội trường Huyện ủy có sân khấu và sức chứa chỗ ngồi trên 350 người; Lãnh đạo Trung tâm gồm 01 giám đốc và 02 phó Giám đốc và các bộ phận nghiệp vụ bố trí đầy đủ như: Hành chính tổng hợp; Văn hóa - văn nghệ; Thể dục thể thao và Đội tuyên truyền lưu động 14 thành viên, bố trí phòng làm việc của Giám đốc 32 m² và phòng làm việc của 02 Phó Giám đốc và các phòng chức năng, các bộ phận chuyên môn đảm bảo diện tích theo quy định gồm: hành chính, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, Đội tuyên truyền lưu động, nhà

truyền thống, thư viện huyện, kho chứa trang thiết bị; có công trình thể dục thể thao gồm Sân vận động để phục vụ các hoạt động thể thao ngoài trời và nhà thi đấu đa năng; khu vực trong khuôn viên Trung tâm với tổng diện tích trên 3.000 m² bố trí trồng cây xanh, hoa và tổ chức các sự kiện ngoài trời, các hoạt động vui chơi giải trí, phục vụ trung bày, triển lãm

Huyện đã lắp đặt các dụng cụ tập luyện thể dục, thể thao ngoài trời tại công viên Ba Hòn gần khu vực Trung tâm phục vụ người dân tập luyện. Trang bị các thảm, trụ sân bóng chuyền hơi, cầu lông trong Nhà thi đấu đa năng đảm bảo cho người dân tập luyện thể dục thể thao và tổ chức thi đấu các môn thể dục thể thao của huyện.

Trung tâm Văn hóa, thể thao và Truyền thanh huyện được trang bị 01 xe ô tô chuyên dùng, tổ chức tốt công tác chuyên môn và tuyên truyền lưu động; đã tổ chức 50 cuộc xe tuyên truyền lưu động về các chủ trương của Đảng, chính sách Pháp luật của Nhà nước, phòng chống cháy nổ, an toàn vệ sinh thực phẩm... đặc biệt tuyên truyền tốt công tác phòng chống dịch bệnh đến quần chúng nhân dân trên địa bàn huyện.

Hàng năm, Trung tâm Văn hóa, thể thao và Truyền thanh xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động và báo cáo sơ tổng kết kịp thời những kết quả đạt được. Thực hiện đảm bảo 35 chương trình hoạt động tại chỗ và lưu động. Công tác đào tạo năng khiếu được duy trì trong năm 2022 mở 12 lớp đào tạo năng khiếu như: Võ Teakwondo, võ vovinam, cầu lông, thể dục nhịp điệu, bơi lội... Duy trì tổ chức các hội thi, hội diễn như: Hội thi diễn văn nghệ quần chúng, liên hoan văn nghệ đồng bào dân tộc Khmer... Kết quả trong năm 2022 đã tuyên truyền và tổ chức sản xuất 365 chương trình thời sự địa phương, 294 chuyên mục; duy trì thực hiện 14 chuyên mục phát thanh hàng tuần. Tổng sản phẩm phát sóng 2.529 tin, bài các loại; cộng tác 1.284 tin, bài; tổng thời lượng phát sóng trong năm 1.825 giờ; dành riêng 44 chuyên mục, phát 88 buổi về học tập và làm theo tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Công tác tuyên truyền, cổ động trực quan tập trung trang trí sửa chữa, làm mới cổng và treo cờ cụ thể: thực hiện 90 trụ treo cờ, băng rôn, bảng hiệu tuyên truyền, 02 cổng chào; xây dựng tuyên truyền: 54 pano, 1.250 băng rôn khẩu hiệu; 2.750 lượt cờ Nước, cờ Đảng, cờ phướn. Dàn dựng chương trình tham dự Hội thi Văn nghệ quần chúng tỉnh năm 2022, đạt 03 tiết mục giải A, 02 tiết mục đạt giải B, đạt giải A toàn đoàn và được UBND tỉnh tặng bằng khen; Ngày hội Văn hóa, Thể thao và Du lịch đồng bào Khmer tỉnh Kiên Giang lần thứ XIV năm 2022 đạt được giải B toàn đoàn.

- Tỷ lệ trường Trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên: huyện Kiên Lương có 02 trường Trung học phổ thông đều đạt chuẩn quốc gia cấp độ 01:

+ Trường Trung học phổ thông Kiên Lương, quy mô diện tích 22.685,98 m², bình quân 16.32 m²/học sinh, với 33 phòng học, 4 phòng thực hành thí nghiệm, 2 phòng dạy tin học, 1 phòng ngoại ngữ và 10 phòng chức năng, ngày 31 tháng 3 năm 2020 đơn vị được Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Quyết định số

787/QĐ-UBND về việc công nhận và cấp Bằng công nhận trường đạt chuẩn quốc gia.

+ Trường Trung học phổ thông Ba Hòn, quy mô diện tích 15.886 m² bình quân 18 m²/học sinh, với 31 phòng học, 3 phòng thực hành thí nghiệm, 2 phòng dạy tin học, 1 phòng ngoại ngữ và 9 phòng chức năng, ngày 21 tháng 5 năm 2020 đơn vị được Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành quyết định số 1221/QĐ-UBND về việc công nhận và cấp Bằng công nhận trường đạt chuẩn quốc gia;

- Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đạt kiểm định chất lượng giáo dục: Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên huyện Kiên Lương là đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện Kiên Lương. Khi mới thành lập năm 1998 có tên là Trung tâm hướng nghiệp và dạy nghề huyện Kiên Lương sau đó đổi tên thành Trung tâm Kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân huyện; đến ngày 24/02/2010 chuyển đổi thành Trung tâm Giáo dục thường xuyên Kiên Lương; và ngày 13/02/2018 thực hiện theo Quyết định số 381 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang đã đổi tên thành Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đến nay.

Tổng diện tích khuôn viên của Trung tâm: 6.030,9 m²; cơ sở vật chất được đầu tư xây dựng kiên cố gồm có 01 dãy phòng (trong đó: 03 phòng học văn hóa; 02 phòng máy vi tính dạy Tin học được kết nối Internet; 01 phòng giám đốc, 01 phòng phó giám đốc, 01 phòng Kế toán và văn thư; 01 phòng giáo viên, phòng để sách giáo khoa và sách tham khảo); 01 kho; 01 nhà để xe chung cho cán bộ, giáo viên, học viên, sân nền được bê tông hóa và nhiều cây xanh có giá trị, công rào được xây dựng kiên cố.

Hàng năm trung tâm luôn tạo điều kiện thuận lợi để đội ngũ cán bộ, giáo viên tham gia bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao trình độ lý luận chính trị, do tỉnh, huyện tổ chức; Trình độ đào tạo, tỷ lệ cán bộ, giáo viên, nhân viên có trình độ đạt chuẩn là 100%, trong đó trên chuẩn: 12,5 %; Tỷ lệ huy động học viên ra lớp hàng năm đạt trên 95% so với kế hoạch. Tỷ lệ học sinh lên lớp thẳng hàng năm đạt 100%; Tỷ lệ tốt nghiệp THPT hàng năm bình quân trên 85%; Hạnh kiểm đều đạt 100% khá tốt.

Trung tâm có cơ cấu tổ chức phù hợp đúng đề án vị trí việc làm, Chi bộ, chính quyền, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội cha mẹ học viên của Trung tâm hoạt động đúng theo quy định và luôn đạt được kết quả tốt, công tác quản lý hoạt động giáo dục và quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên và học viên trong Trung tâm. Tập thể cán bộ viên chức trong cơ quan đã chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, của địa phương và sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp trên. Trung tâm luôn đảm bảo về an ninh trật tự, không để xảy ra hỏa hoạn, tai nạn thương tích, cháy nổ, không có trường hợp nào mắc tệ nạn xã hội, an ninh trật tự trung tâm luôn luôn được đảm bảo. Trung tâm luôn đảm bảo đủ giáo viên để thực hiện đúng chương trình theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, cán bộ, giáo viên, nhân viên được đảm bảo quyền lợi theo quy định của pháp luật.

Căn cứ quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và quy trình chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên: Trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên huyện Kiên Lương được Sở giáo dục và đào tạo kiểm tra và công nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 1 năm 2022 theo quyết định số 1670/QĐ-SGDĐT ngày 12/12/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc công nhận và cấp Chứng nhận trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục.

Đánh giá: Huyện đạt tiêu chí 5 về Y tế - Văn hóa - Giáo dục theo Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

5.6. Tiêu chí 6 về Kinh tế

5.6.1. Yêu cầu của tiêu chí

- Có khu công nghiệp, hoặc cụm công nghiệp được đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hoặc cụm ngành nghề nông thôn.
- Chợ trung tâm huyện đạt tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm.
- Hình thành vùng nguyên liệu tập trung đối với các sản phẩm chủ lực hoặc có mô hình liên kết theo chuỗi giá trị đảm bảo an toàn thực phẩm, kết nối từ sản xuất đến tiêu thụ đối với các sản phẩm chủ lực của huyện.
- Có Trung tâm kỹ thuật nông nghiệp hoạt động hiệu quả.

5.6.2. Kết quả thực hiện

- Có khu công nghiệp, hoặc cụm công nghiệp được đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hoặc cụm ngành nghề nông thôn: Theo quy hoạch trên địa bàn huyện có Khu công nghiệp Kiên Lương II, diện tích 100ha được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định 1107/QĐ-TTg ngày 21/8/2006 và Công văn số 1043/TTg-KTN ngày 24/6/2009 và 01 Cụm Công nghiệp 50ha đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại quyết định 2368/QĐ-UBND ngày 15/10/2018; về làng nghề đang trình Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận Làng nghề đan lưới (xã Sơn Hải). Qua rà soát tại Báo cáo số 55/BC-SCT ngày 24/02/2023 của Sở Công thương thống nhất đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục đưa Cụm công nghiệp Kiên Lương vào thực hiện các nhiệm vụ tiếp theo. Ngoài ra, để nâng giá trị sản phẩm lợi thế của địa phương Ủy ban nhân dân huyện đề xuất bổ sung 4 nhà máy chế biến sâu nông thủy sản tại các xã trên địa bàn huyện. Trong đó, tiếp tục hỗ trợ cụm nhà máy chế biến của Công ty cổ phần chế biến Thủy sản Trung Sơn mở rộng quy mô và khu nuôi tôm công nghiệp ứng dụng công nghệ cao với diện tích 453ha, tổng nguồn vốn đầu tư 290 tỷ đồng, tại Giấy Chứng nhận đầu tư ngày 15/12/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang. Mặc dù có nhiều cố gắng triển khai các Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp nhưng do nguồn lực còn khó khăn, hơn nữa do lịch sử hình thành trên địa bàn huyện có 05 nhà máy xi măng (Vicem Hà Tiên, INSEE, Hà Tiên, Kiên Giang và Hà Tiên-Kiên Giang) và nhiều nhà máy, xí nghiệp vật liệu xây dựng, chế biến thủy sản xuất khẩu với quy mô lớn sử dụng trên 10 ngàn lao động thường xuyên, có tay nghề cao. Từ đó, giúp gia tăng giá trị và đa dạng sản phẩm công nghiệp, nông thủy sản trên

địa bàn, góp phần đẩy mạnh kim ngạch xuất khẩu và giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân.

- Chợ trung tâm huyện đạt tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm: Trên địa bàn huyện có 04 chợ và 01 Trung tâm Thương mại Ba Hòn, trong đó Trung tâm Thương mại Ba Hòn được xây dựng vào năm 2002 (theo Quyết định số 1399/QĐ-UB ngày 06/6/2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang) với diện tích 96.240 m². Để tạo điều kiện cho các hộ kinh doanh, Ủy ban nhân dân huyện đã tiến hành phân lô, bố trí đầy đủ cho các hộ dân kinh doanh cố định, không cố định và các dịch vụ thiết yếu khác tại Trung tâm Thương mại như khu Nông sản, khu Bách hóa, khu Ăn uống và khu Tự sản tự tiêu.

Trung tâm Thương mại Ba Hòn đạt tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm theo quy định, có phân khu chức năng, có biển thông báo, sơ đồ chỉ dẫn từng khu vực, sản khu vực buôn bán thực phẩm diện tích tối thiểu cho một địa điểm kinh doanh là 6 m², nhà lồng chợ được xây dựng kiên cố với khung sườn bằng sắt, mái lợp tôn, nền được bê tông hóa, có bố trí 02 nhà vệ sinh nam, nữ riêng phù hợp với quy mô Trung tâm, có bố trí bãi giữ xe ngoài trời và bố trí hệ thống cấp nước sạch, hợp vệ sinh; có hệ thống điện đảm bảo cho các hoạt động mua bán tại Trung tâm; có bố trí hệ thống rãnh thoát nước đảm bảo tiêu thoát dễ dàng, có bố trí thiết bị và xây dựng phương án phòng cháy chữa cháy theo quy định. Về điều hành vận hành Trung tâm Thương mại Ba Hòn: Ban quản lý Trung tâm Thương mại Ba Hòn có 05 đồng chí, trong đó có 01 phụ trách chung kiêm nhiệm và 04 nhân viên; ngoài ra Trung tâm Thương mại còn có 01 Đội trật tự để quản lý, sắp xếp việc kinh doanh tại Trung tâm; có ban hành Nội quy để điều hành hoạt động, xử lý vi phạm, có sử dụng cân đối chứng để người tiêu dùng tự kiểm tra số lượng, khối lượng hàng hóa. Tại Trung tâm Thương mại Ba Hòn không có hàng hóa, dịch vụ kinh doanh thuộc danh mục cấm kinh doanh theo quy định của pháp luật.

- Hình thành vùng nguyên liệu tập trung đối với các sản phẩm chủ lực hoặc có mô hình liên kết theo chuỗi giá trị đảm bảo an toàn thực phẩm, kết nối từ sản xuất đến tiêu thụ đối với các sản phẩm chủ lực của huyện: Thủy sản được xem là ngành kinh tế mũi nhọn của Kiên Lương, phát triển mạnh về nuôi tôm sú và tôm thẻ chân trắng và nuôi cá lồng bè,... là sản phẩm chủ lực mang lại hiệu quả kinh tế cao. Huyện Kiên Lương đã phối hợp với các sở ngành chuyên môn của tỉnh rà soát, bổ sung Đề án tái cơ cấu nông nghiệp của huyện, điều chỉnh quy hoạch đất sản xuất nông nghiệp, theo hướng phát huy lợi thế tự nhiên của từng tiểu vùng, cụ thể là Quy hoạch đất trồng lúa với diện tích 23.000 ha, đất nuôi trồng thủy sản 12.920 ha, đất lâm nghiệp có rừng 2.990,6ha. Hình thành các tiểu vùng sản xuất (Nam Quốc lộ 80, Bắc Quốc lộ 80, đê bao Đồng Hòa và khu vực ven biển). Bước đầu đã sản xuất những sản phẩm được xem là lợi thế của huyện như tôm sú, tôm thẻ chân trắng, cá bông mú trong ao đất, cá lồng bè trên biển,... Năm 2022, diện tích nuôi thủy sản được 14.680 ha, trong đó diện tích nuôi tôm công nghiệp 2.800 ha (tôm sú 100ha và tôm thẻ 2.700ha); sản lượng nuôi trồng được sản lượng 50.730 tấn. Mô hình nuôi cá nước ngọt, mặn, lợi phát triển khá ổn định; mô hình xen canh tôm - cua, luân canh tôm - lúa, nuôi

cua tiếp tục có hiệu quả. Mô hình nuôi nhuyễn thể hai mảnh vỏ bước đầu mang lại hiệu quả, vừa làm tăng thu nhập cho dân, vừa góp phần bảo vệ nguồn lợi thủy sản vùng ven bờ, tạo việc làm cho hàng trăm lao động. Ngoài ra tiếp tục thực hiện Đề án phát triển vùng nguyên liệu lúa gạo các huyện vùng Tứ giác Long Xuyên phục vụ chế biến và xuất khẩu giai đoạn 2021-2025 tỉnh Kiên Giang, với mục tiêu hình thành vùng sản xuất nguyên liệu lúa gạo có quy mô hàng hóa tập trung, hiện đại ứng dụng công nghệ tiên tiến trên cơ sở liên kết bền vững giữa các hợp tác xã với các doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu nhằm thúc đẩy nhanh, hiệu quả và bền vững quá trình cơ cấu lại ngành nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới ở vùng Tứ giác Long Xuyên nói chung và huyện Kiên Lương nói riêng.

- Có Trung tâm kỹ thuật nông nghiệp hoạt động hiệu quả: Thực hiện theo Thông báo số 904/TB-SNV ngày 23/7/2020 của Sở Nội vụ tỉnh Kiên Giang về việc Thông báo ý kiến của Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chọn 02 huyện thí điểm thành lập Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp nên đến nay huyện Kiên Lương chưa có thành lập Trung tâm dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp. Tuy nhiên, để thực hiện tốt yêu cầu, nhiệm vụ đề ra, Ủy ban nhân dân huyện đã chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã kiện toàn Ban nông nghiệp và Tổ khuyến nông cộng đồng tại các xã. Đến nay đã có 07/7 xã đã thành lập Tổ khuyến nông cộng đồng và hoạt động hiệu quả. Trong năm 2022, đã phối hợp tổ chức thực hiện 11 mô hình chương trình khuyến nông với 27 điểm trình diễn các chương trình mô hình bao gồm tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật 12 lớp với 224 nông dân hội thảo tọa đàm 5 cuộc các mô hình trình diễn và mô hình gà nòi ô tía tám điểm mô hình thụ tinh nhân tạo bò 10 điểm dự án cánh đồng lớn hơn 800ha, mô hình cải tạo đất trong ao đất 2 điểm mô hình nuôi tôm thẻ lớp bạc đáy nhiều giai đoạn, 01 điểm mô hình nuôi cá lồng bè HDPE; phối hợp với trạm bảo vệ thực vật điều tra sâu rầy dịch bệnh trên cây lúa và trạm thú y tổ chức tiêm phòng gia súc gia cầm.

Đánh giá: Huyện đạt tiêu chí 6 về Sản xuất theo Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

5.7. Tiêu chí 7 về Môi trường

5.7.1. Yêu cầu của tiêu chí

- Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp $\leq 50\%$ tổng lượng phát sinh.

- Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn $\geq 40\%$.

- Có mô hình tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp quy mô cấp xã trở lên (≥ 01 mô hình).

- Có công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung áp dụng biện pháp phù hợp (≥ 01 công trình).

- Khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề trên địa bàn thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường, trong đó tỷ lệ đất trồng cây xanh trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp tối thiểu là 10% diện tích toàn khu.

- Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn ($\geq 2\text{m}^2/\text{người}$).

- Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định ($\geq 50\%$).

- Tỷ lệ điểm tập kết, trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện có hạ tầng về bảo vệ môi trường theo quy định (đạt 100%).

5.7.2. Kết quả thực hiện

- Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp $\leq 50\%$ tổng lượng phát sinh:

+ Đối với rác thải sinh hoạt: Trên địa bàn huyện Kiên Lương có Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt, với công suất 100 tấn/ngày do Công ty TNHH Tài nguyên xanh làm chủ đầu tư (đơn vị đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 3071/QĐ-UBND ngày 16/12/2015), có bãi tập kết rác thải sinh hoạt với diện tích là 2ha nằm trên địa bàn thị trấn Kiên Lương, tại đây trước khi bàn giao rác cho nhà máy xử lý rác thì rác được tập kết tại khu vực này, thường xuyên được phun khử mùi bằng chế phẩm sinh học, hoạt chất diệt côn trùng nhằm giảm thiểu ô nhiễm. Ngoài ra, để thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt cho nhân dân tại các xã đảo, Ủy ban nhân dân huyện đã được Sở Khoa học và Công nghệ đầu tư lò đốt rác với công suất 350 kg/giờ tại xã đảo Hòn Nghê và hiện nay đang đầu tư lò đốt rác thải sinh hoạt tại xã Sơn Hải với công suất là 500 kg/giờ. Đến nay trên địa bàn huyện có 06 xe thu gom rác thải sinh hoạt, với 1.256 thùng rác được trang bị để bố trí tại các khu vực công cộng, chợ, trường, trụ sở hành chính các cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn huyện, tổng lượng rác thải sinh hoạt được thu gom, xử lý 50/54,65 tấn, đạt 91,5% lượng rác phát sinh (rác thải được xử lý tại các lò đốt, chôn lấp hợp vệ sinh, ủ phân hữu cơ) với 18.013 hộ; lượng rác thải sinh hoạt còn lại không nằm trong tuyến thu gom của huyện thì được người dân phân loại, chôn lấp trực tiếp hợp vệ sinh trong khuôn viên đất tại hộ gia đình với 2.589 hộ, chiếm 8,5%.

- Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn $\geq 40\%$: Huyện Kiên Lương đã chỉ đạo ngành chuyên môn và các xã, thị trấn triển khai, tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện Đề án phân loại, thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt theo Quyết định số 4182/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 và Kế hoạch số 134/KH-UBND ngày 16/8/2022 về triển khai thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn huyện, đến nay đã tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện phân loại rác thải tại nguồn được 232 cuộc với 4.108 lượt người, có 9.150/22.180 hộ dân tham gia thực hiện, đạt 41,25%.

- Có mô hình tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp quy mô cấp xã trở lên: Hiện nay, trên địa bàn huyện có 01 mô hình tái chế rác thải hữu cơ tại

xã Kiên Bình của Hợp tác xã nông nghiệp Tiến Phương, thực hiện thu mua phụ phẩm nông nghiệp để sản xuất phân hữu cơ sử dụng cho cây khoai môn. Phụ phẩm nông nghiệp từ hoạt động trồng trọt trên địa bàn huyện chủ yếu là phế phẩm rơm rạ, lượng chất hàng năm khoảng 176.000 tấn, trong đó sử dụng rơm rạ làm nguyên liệu sản xuất phân hữu cơ bón cho cây trồng với khối lượng 100 tấn/năm (Theo quy trình hướng dẫn Công văn số 155/TT-ĐMT ngày 28/02/2023 của Cục trồng trọt); còn lại sử dụng trực tiếp: phủ luống cho cây trồng khoảng 7.300 tấn, bán cho thương lái đem đi nơi khác để trồng nấm rơm khoảng 93.626 tấn/năm, làm thức ăn cho chăn nuôi gia súc (trâu, bò, dê...) khoảng 36.586 tấn/năm và tạo chuồng thức ăn cho thủy sản bằng cày vùi khoảng 6.500 tấn/năm và được cày vùi ngay trên ruộng để góp phần cải tạo đất khoảng 31.888 tấn/năm.

Bên cạnh đó, lượng rác thải hữu cơ phát sinh từ sinh hoạt và phế phẩm từ hoa màu, trái cây cùng các phế phẩm nông nghiệp khác được các hộ gia đình thực hiện ủ phân bằng chế phẩm sinh học IMO bản địa, để làm phân bón cho hoa màu, cây cảnh góp phần xử lý tốt rác thải sinh hoạt tại địa phương và cải thiện nguồn thu cho hộ gia đình. Ngoài ra, hoạt động chăn nuôi trên địa bàn cũng phát sinh chất thải hữu cơ, tuy nhiên số lượng không lớn, các cơ sở chăn nuôi chủ yếu nhỏ lẻ và thực hiện theo mô hình ủ Biogas hoặc VAC kết hợp để tạo khí đốt sử dụng cho gia đình và tận dụng làm thức ăn cho ao cá.

- Có công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung áp dụng biện pháp phù hợp: Trên địa bàn huyện có các khu dân cư đã hình thành từ lâu, tại các khu vực này cũng như trung tâm các xã, thị trấn đều được xây dựng hệ thống cống thoát nước đảm bảo không ngập vào mùa mưa; đối với khu vực nông thôn không phải là khu dân cư tập trung thì nước mưa được chảy trực tiếp xuống kênh, rạch ra biển. Các hộ gia đình đều xây dựng nhà vệ sinh với bể tự hoại 02 ngăn, đảm bảo môi trường. Khu dân cư thuộc Dự án di dân thiên tai sạt lở núi Ba Hòn huyện Kiên Lương có thiết kế hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung với công suất là 250 m³/ngày đêm, trong đó hạng mục trạm xử lý nước thải sinh hoạt được đầu tư xây dựng với tổng kinh phí là 4,577 tỷ đồng, đang thực hiện quy trình đấu thầu để triển khai xây dựng và hoàn thành trong năm 2023.

- Khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề trên địa bàn thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường, trong đó tỷ lệ đất trồng cây xanh trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp tối thiểu là 10% diện tích toàn khu. Hiện nay, trên địa bàn huyện được quy hoạch khu, cụm công nghiệp nhưng chưa tiến hành xây dựng khu, cụm công nghiệp. Việc trồng cây xanh tại các nhà máy, công trình, dự án của huyện được quan tâm thực hiện, đảm bảo được thẩm định, phê duyệt quy hoạch theo tiêu chí, quy chuẩn của các ngành quy định, tạo mảng xanh môi trường.

- Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn (≥ 2 m²/người): Thực hiện theo Kế hoạch số 126/KH-UBND ngày 29/6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc thực hiện Quyết định số 524/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Trồng 1 tỷ cây xanh giai đoạn 2021 - 2025” trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. Thời gian qua, các Sở ngành tỉnh

và Ủy ban nhân dân huyện thường xuyên tổ chức ra quân triển khai thực hiện việc trồng cây xanh phân tán và trồng rừng gắn với đẩy mạnh tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ công chức, viên chức và nhân dân về vai trò, tác dụng, giá trị, ý nghĩa của việc trồng cây, nhằm bảo vệ môi trường sinh thái, góp phần giảm nhẹ thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, cung cấp giá trị kinh tế, xã hội. Đến nay, tổng diện tích cây xanh khu vực công cộng (trụ sở, khu vui chơi, trường học, công viên...) trên địa bàn toàn huyện là 206.240 m²/79.517 người bình quân 2,53 m²/người, phục vụ cho nhu cầu vui chơi và khả năng tiếp cận của mọi người dân.

- Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định ($\geq 50\%$): Trên cơ sở Kế hoạch số 118/KH-UBND ngày 15/11/2019 của Ủy ban nhân dân huyện thực hiện phong trào “Chống rác thải nhựa” trên địa bàn huyện, trong các năm qua, Ủy ban nhân dân huyện đã phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các Hội đoàn thể huyện tuyên truyền, vận động người dân hạn chế sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần được 187 cuộc, có 4.267 lượt hội viên tham dự. Đến nay trên địa bàn huyện có 18 mô hình đăng ký, thực hiện giảm thiểu rác thải nhựa và 26 mô hình bảo vệ môi trường do các hội, đoàn thể thành lập, đã hỗ trợ 235 giỏ nhựa và 5.000 giỏ vải cho các hội viên và người dân tham gia. Qua đó, các tổ chức và cộng đồng dân cư trên địa bàn huyện tham gia hưởng ứng, sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường, hạn chế sử dụng các sản phẩm bằng nhựa dùng 01 lần. Qua thống kê, tổng lượng rác thải nhựa phát sinh trên địa bàn huyện là 4.653 kg/ngày, tổng khối lượng thu gom, xử lý là 2.401/4.653 kg, đạt 51,59%.

- Tỷ lệ điểm tập kết, trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện có hạ tầng về bảo vệ môi trường theo quy định (đạt 100%): Trên địa bàn huyện không có điểm tập kết rác thải tập trung do việc thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt ở các xã được xe thu gom đến thu gom hàng ngày. Định hướng trong thời gian tới, nếu lượng rác phát sinh cao huyện sẽ rà soát, bổ sung quy hoạch các trạm trung chuyển tại một số xã để đảm bảo cho việc tập kết, trung chuyển rác thải sinh hoạt về nhà máy xử lý rác.

Đánh giá: Huyện đạt Tiêu chí 7 về Môi trường theo Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

5.8. Tiêu chí 8 về Chất lượng môi trường sống

5.8.1. Yêu cầu của tiêu chí

- Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung ($\geq 33\%$).

- Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững ($\geq 35\%$).

- Có kế hoạch/Đề án kiểm kê, kiểm soát, bảo vệ chất lượng nước; phục hồi cảnh quan, cải tạo hệ sinh thái ao hồ và các nguồn nước mặt trên địa bàn huyện.

- Cảnh quan, không gian trên địa bàn toàn huyện đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn.

- Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.

5.8.2. Kết quả thực hiện

- Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung ($\geq 33\%$): Hiện nay, trên địa bàn huyện Kiên Lương đã được tỉnh đầu tư 4 nhà máy nước. Trong đó: 02 nhà máy nước do Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn quản lý và 02 nhà máy nước do Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Kiên Giang quản lý phục vụ cung cấp nước sinh hoạt cho nhân dân trên địa bàn toàn huyện. Qua rà soát, trên địa bàn huyện có 8.222/13.092 hộ dân nông thôn sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung, đạt tỷ lệ 62,80 %. Đối với xã Sơn Hải đang được Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh đầu tư Trạm cấp nước, dự kiến đến năm 2024 sẽ hoàn thành và đưa vào sử dụng cấp nước cho tất cả hộ dân của xã, từ đó nâng tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung của xã lên 100%.

- Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững ($\geq 35\%$): Hiện nay, trên địa bàn huyện có 04/04 công trình cấp nước tập trung đang hoạt động và có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững, đạt tỷ lệ 100%.

- Có kế hoạch/Đề án kiểm kê, kiểm soát, bảo vệ chất lượng nước; phục hồi cảnh quan, cải tạo hệ sinh thái ao hồ và các nguồn nước mặt trên địa bàn huyện: huyện Kiên Lương đã ban hành Kế hoạch số 158/KH-UBND ngày 20/10/2022 bảo vệ chất lượng nước mặt trên địa bàn huyện, qua đó đã tổ chức tuyên truyền nâng cao ý thức người dân giữ gìn sạch sẽ nguồn nước và khu vực xung quanh, không đổ rác và xây nhà vệ sinh gần nguồn lấy nước mặt, nhất là nhà vệ sinh không đảm bảo môi trường trên kênh, rạch, biển được 67 cuộc với 3.025 lượt người tham dự. Đồng thời tiếp tục triển khai thực hiện các phần việc theo kế hoạch đề ra nhằm phục hồi cảnh quan, cải tạo hệ sinh thái ao hồ và các nguồn nước mặt trên địa bàn huyện.

- Cảnh quan, không gian trên địa bàn toàn huyện đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn: Để tạo cảnh quan môi trường, tăng cường công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn, huyện Kiên Lương đã ban hành Kế hoạch số 89/KH-UBND về phát động Ngày Môi trường của huyện (ngày 05 hàng tháng), đồng thời đã ban hành nhiều văn bản triển khai thực hiện nhằm huy động cộng đồng tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường. Đến nay, hầu hết các xã, thị trấn và các cơ quan, ban ngành đoàn thể và nhân dân tích cực tham gia hưởng ứng dọn dẹp vệ sinh môi trường, có nhiều hoạt động bảo vệ môi trường vào Ngày môi trường của huyện, góp phần tạo cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp.

Trên các tuyến đường trục huyện, xã, liên xã và các khu vực công cộng trên địa bàn huyện đều được trồng cây xanh, cây bóng mát, người dân cất tía,

trồng hoa, phát quang bụi rậm, làm hàng rào, cột cờ, đèn thấp sáng đảm bảo tuyến đường sáng, xanh, đẹp, thông thoáng, an toàn giao thông. Đường trục ấp, liên ấp, liên xã được UBND huyện trang bị thùng rác và vận động người dân bỏ rác đúng quy định, không có tình trạng tập kết rác bừa bãi gây ô nhiễm môi trường. Hệ thống kênh mương được vệ sinh, nạo vét (đến nay đã nạo vét 404,2km tuyến kênh, mương), khơi thông dòng chảy, phát quang; không có hiện tượng tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung và rác thải dưới mương thoát nước.

Để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tham gia giao thông cũng như tạo cảnh quan không gian sáng, trong các năm qua huyện Kiên Lương đã đầu tư hệ thống chiếu sáng các tuyến đường trục chính, liên xã, liên ấp với tổng chiều dài 236,8/331,9km đạt tỷ lệ 71,35%. Đến nay, các đường xã, liên xã, liên ấp phần lớn đã được đầu tư đèn chiếu sáng, đảm bảo việc đi lại của Nhân dân, hạn chế tai nạn giao thông và đảm bảo an ninh trật tự tại địa phương.

- Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm: Đối với công tác an toàn thực phẩm: Hằng năm, UBND huyện đã xây dựng kế hoạch thực hiện, phối hợp chặt chẽ với các đoàn thể triển khai ký cam kết đến chủ cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm trên địa bàn các xã, ý thức trách nhiệm của người sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng đã được nâng lên, dần đi vào nề nếp; công tác truyền thông về an toàn thực phẩm đã được chú trọng, việc phổ biến pháp luật, kỹ năng sản xuất, lựa chọn sản phẩm an toàn thực phẩm được thực hiện thường xuyên. Việc xây dựng các chuỗi sản phẩm an toàn, chợ an toàn thực phẩm, cửa hàng an toàn thực phẩm đang được tiến hành. Toàn huyện có 8.568/8.568 cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm làm cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm, đạt tỷ lệ 100%, trong đó lĩnh vực ngành y tế quản lý cấp phép, cam kết 215 cơ sở, các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm ký cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực công thương và lĩnh vực nông nghiệp là 8.353 cơ sở.

Đánh giá: Huyện đạt tiêu chí 8 về Chất lượng môi trường sống theo Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

5.9. Tiêu chí 9 về Hệ thống chính trị - An ninh trật tự - Hành chính công

5.9.1. Yêu cầu của tiêu chí

- Đảng bộ, chính quyền huyện được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

- Tổ chức chính trị - xã hội của huyện được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên (100%).

- Trong 02 năm liên tục trước năm xét công nhận, không có công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý bị xử lý kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Đảm bảo an ninh, trật tự.

- Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên.
- Huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.

5.9.2. Kết quả thực hiện

- Đảng bộ, chính quyền huyện được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên: Năm 2022 Đảng bộ huyện Kiên Lương được Tỉnh ủy Kiên Giang công nhận mức xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ; Nhân dân và cán bộ huyện Kiên Lương được Thủ tướng Chính phủ tặng cờ thi đua là đơn vị dẫn đầu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

- Tổ chức chính trị - xã hội của huyện được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên (100%): Năm 2022 các tổ chức chính trị - xã hội của huyện đều được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt, xuất sắc nhiệm vụ như: Hội Chiến binh huyện (theo Thông báo số 04/TB-CCB ngày 08/12/2022 của Hội Cựu Chiến binh Tỉnh), Liên đoàn Lao động huyện (theo Quyết định 2339/QĐ-LĐLĐ ngày 28/12/2022 của Liên Đoàn Lao động tỉnh), Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện (theo Thông báo số 543/TB-MTTQ-BTT ngày 21/12/2022 của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh), Huyện đoàn Kiên Lương (theo Thông báo số 28-TB/TĐTN-VP ngày 22/12/2022 của Ban Chấp hành Đoàn tỉnh Kiên Giang), Hội Nông dân huyện (theo Thông báo số 296-TB/HNDT ngày 27/12/2022), Hội liên Hiệp Phụ nữ huyện (theo Thông báo số 66/TB-BTV ngày 24/11/2022 của Ban Thường vụ Hội liên Hiệp Phụ nữ tỉnh).

- Trong 02 năm liên tục trước năm xét công nhận, không có công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý bị xử lý kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự: Trong 02 năm 2021, 2022 cho đến nay huyện không có cán bộ, công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý bị xử lý kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Đảm bảo an ninh, trật tự: Hằng năm, Công an huyện đều tham mưu Huyện ủy ban hành Nghị quyết và UBND huyện có kế hoạch về công tác bảo đảm an ninh, trật tự. Đồng thời tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả công tác này trên địa bàn huyện. Đến cuối năm 2022, trên địa bàn huyện đã có 07/07 xã đạt chuẩn xã đủ điều kiện tiếp tục thực hiện đạt chuẩn xã Nông thôn mới, trong đó có 01 xã đạt chỉ tiêu 19.2 thuộc tiêu chí số 19 về Quốc phòng và An ninh trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao. Tình hình tội phạm về trật tự xã hội năm 2022 trên địa bàn huyện xảy ra 30 vụ có 38 đối tượng (giảm 09 vụ, chiếm 23,12%). Tai nạn giao thông xảy ra 9 vụ, làm chết 10 người, bị thương 02 người. Cháy, nổ không xảy ra (giảm 01 vụ). Tình hình khiếu kiện có yếu tố phức tạp kéo dài hiện trên địa bàn huyện vẫn còn một số đối tượng đeo bám, mặc dù các cấp, các ngành đã nhiều lần giải quyết nhưng các đối tượng này chưa thống nhất và tiếp tục gửi đơn khiếu nại. Nhìn chung những vụ việc chỉ mang tính chất cá nhân, nhỏ lẻ.

- Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên: Ủy ban nhân dân huyện Kiên Lương đang thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 theo Quyết định 2156/QĐ-UBND ngày 07/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc

bản hành Danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 cung cấp trên Cổng Dịch vụ công tỉnh Kiên Giang và được thực hiện qua website: <https://dichvucong.kiengiang.gov.vn/> với tổng số thủ tục hành chính cung cấp trực tuyến mức độ 3 là 36 thủ tục hành chính; mức độ 4 là 188 thủ tục hành chính. Kết quả hồ sơ phát sinh và được giải quyết trực tuyến mức độ 3, 4 là 237 hồ sơ.

- Huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định: Năm 2022, huyện Kiên Lương có 08/8 xã, thị trấn (đạt 100%) đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (theo Quyết 250/QĐ-UBND ngày 09/02/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Kiên Lương về công nhận xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2022). Trong năm 2022, huyện Kiên Lương không có cán bộ, công chức là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền cấp huyện bị xử lý kỷ luật hành chính do vi phạm pháp luật trong thi hành công vụ hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Đánh giá: Huyện đạt tiêu chí 9 về Hệ thống chính trị - An ninh trật tự - Hành chính công theo Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

6. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Kiên Lương

Qua rà soát, trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới từ năm 2011 đến nay trên địa bàn huyện Kiên Lương không xảy ra tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới (theo báo cáo số 79/BC-UBND ngày 17/4/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Kiên Lương về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản thuộc Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Kiên Lương).

7. Kế hoạch nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao

7.1. Quan điểm

Tiếp tục tổ chức thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và những năm tiếp theo tinh thần Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 16/6/2022, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; xây dựng nông thôn mới phải là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, phát huy tối đa vai trò chủ thể của Nhân dân với phương châm “Dân biết, dân bàn, dân kiểm tra, dân giám sát và dân thụ hưởng”.

7.2. Mục tiêu

Xây dựng huyện Kiên Lương là Thị xã, đô thị loại III, là địa phương có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước hiện đại; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp, gắn phát triển nông thôn với đô thị theo quy hoạch; đời sống vật chất tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao đứng ở nhóm cao của tỉnh; xã hội nông thôn dân chủ ổn định giàu bản sắc văn hóa dân tộc; môi trường sinh thái được bảo vệ; an ninh trật tự được giữ vững; hệ thống chính trị ở nông thôn dưới sự lãnh đạo của Đảng được tăng cường.

Hoàn thành các công trình thiết yếu đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất và đời sống của người dân nông thôn như giao thông, điện, nước sinh hoạt, trường học, y tế, nhà văn hóa.

7.3. Nội dung, giải pháp

7.3.1. Về quy hoạch

Tiếp tục thực hiện tốt công tác quản lý quy hoạch và thực hiện theo quy hoạch đã được phê duyệt, đồng thời rà soát, điều chỉnh bổ sung, hoàn thiện các quy hoạch các xã để đảm bảo tính phù hợp, đồng bộ giữa các quy hoạch. Đồng thời, tổ chức thực hiện công tác rà soát tổng thể và thực hiện các bước điều chỉnh đồ án quy hoạch cho phù hợp với định hướng phát triển kinh tế-xã hội của địa phương.

7.3.2. Về hạ tầng kinh tế - xã hội

- **Về giao thông:** Tiếp tục quan tâm lồng ghép thực hiện tốt công tác duy tu, bảo dưỡng, nâng cấp sửa chữa và đầu tư xây dựng mới các tuyến đường đảm bảo giao thông thông suốt, đáp ứng yêu cầu của nông thôn đô thị. Thường xuyên kiểm tra theo dõi, nhắc nhở các hộ dân không lấn chiếm lòng lề đường, vỉa hè, kênh làm nơi chất chứa những vật dụng, dụng cụ lều trại mua bán,... Tiếp tục rà soát, nâng cấp, mở rộng các tuyến đường giao thông nông thôn, cầu đảm bảo cho người dân đi lại và lưu thông hàng hóa, phù hợp với sản xuất và tiêu thụ nông sản tập trung.

- **Về thủy lợi:** Xây dựng kế hoạch duy tu, bảo dưỡng nạo vét hàng năm các công trình: thủy lợi, cống, đập, trạm bơm, đê bao, ... Thường xuyên phối hợp với đơn vị quản lý công trình cấp tỉnh xây dựng kế hoạch vận hành các công trình nhằm chủ động cấp và thoát nước phục vụ sản xuất được đảm bảo, đáp ứng yêu cầu sản xuất, dân sinh và phòng chống thiên tai. Tranh thủ các nguồn vốn hoàn thiện hệ thống cống, đê bao phục vụ nuôi trồng thủy sản.

- **Về điện:** Thường xuyên kiểm tra, phát hoang cây xanh, sớm phát hiện và kế hoạch hoàn thiện lưới điện chưa đảm bảo kỹ thuật, có nguy cơ mất an toàn. Qua đó, kịp thời kiến nghị ngành điện khảo sát, lập kế hoạch sửa chữa, cải tạo để đảm bảo duy trì kết quả đã đạt được. Tiếp tục rà soát, mắc mới đảm bảo số hộ dân được sử dụng điện an toàn để nâng cao chất lượng. Bổ sung đầu tư hệ thống điện phục vụ sản xuất nông nghiệp nhất là các trạm bơm phục vụ bơm tát tập trung, nuôi thủy sản tôm-lúa. Phối hợp ngành điện tiếp tục thực hiện kế hoạch kéo điện cho các vùng lấm chưa có điện.

- **Về Trường học:** Tranh thủ sự hỗ trợ của các ngành cấp tỉnh, đồng thời lồng ghép các nguồn vốn đầu tư từ ngân sách để xây dựng cơ sở vật chất trường đạt chuẩn Quốc gia, chuẩn cơ sở vật chất trên địa bàn huyện. Duy trì nền nếp tự học, tự rèn luyện trong đội ngũ giáo viên để không ngừng nâng cao trình độ, nâng cao nghiệp vụ quản lý, nghiệp vụ chuyên môn để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đẩy mạnh phong trào xây dựng trường "xanh-sạch-đẹp-an toàn" theo đúng lộ trình.

- **Về cơ sở vật chất văn hóa:** Tiếp tục duy trì, nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm Văn hóa - Thể thao và các điểm sinh hoạt văn hóa, vui chơi giải trí của các xã. Phát huy hiệu quả sử dụng các cơ sở vật chất văn hóa ở các địa phương; thường xuyên kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng các cơ sở vật chất phục vụ hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao đáp ứng yêu cầu của nhân dân trên địa bàn; lồng ghép và huy động các nguồn lực để sửa chữa, xây dựng mới một số trụ sở nhà văn hóa ấp, khu phố, các sân thể thao hoàn chỉnh.

- **Về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn:** Thường xuyên kiểm tra, tổ chức sắp xếp lại các hộ mua bán đúng nơi quy định. Cùng cố phát huy hiệu quả hoạt động của Ban quản lý Trung tâm thương mại Ba Hòn, Ban quản lý chợ; tăng cường công tác tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm lấn chiếm vỉa hè, giữ gìn an ninh trật tự, đảm bảo an toàn giao thông, phòng cháy, chữa cháy; niêm yết công khai giá hàng hóa theo quy định. Quan tâm bảo quản cơ sở vật chất chợ, hệ thống điện nước,... từng bước nâng chất các chợ đạt tiêu chuẩn, mỹ quan và vệ sinh an toàn thực phẩm. Tiếp tục lồng ghép đầu tư và kêu gọi xã hội hóa các chợ xã nhằm phát triển mạng lưới thương mại nông thôn, tiêu thụ sản phẩm đặc thù địa phương, thúc đẩy kinh tế-xã hội.

- **Về Thông tin và Truyền thông:** Duy trì, nâng cao chất lượng hoạt động bưu điện văn hóa xã đảm bảo các điểm phục vụ bưu chính khang trang, đầy đủ các trang thiết bị đúng theo quy định, nâng cấp chất lượng dịch vụ đáp ứng nhu cầu của người dân trên địa bàn. Phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông trong việc chuyển đổi công nghệ hướng tới Chính phủ điện tử, phát triển kinh tế số, xã hội số..., trên địa bàn. Tập trung chỉ đạo cán bộ công chức, viên chức trên địa bàn huyện nâng cao trình độ cũng như đảm bảo vật chất trong việc ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số trong quản lý điều hành của các cấp chính quyền trên địa bàn huyện.

- **Về nhà ở dân cư:** Quan tâm phối hợp các đơn vị, tổ chức liên quan thực hiện các Chương trình quốc gia về nhà ở như: nhà tình nghĩa, nhà đại đoàn kết, nhà đồng đội,... để triển khai xây dựng nhà ở cho các đối tượng gặp khó khăn. Thường xuyên tuyên truyền, vận động, hướng dẫn các hộ dân có điều kiện thực hiện tốt việc chỉnh trang nhà ở, sửa chữa nâng cao chất lượng nhà kiên cố. Thường xuyên kiểm tra địa bàn kịp thời phát hiện các trường hợp xây dựng nhà trái phép, xử lý và nghiêm các trường hợp vi phạm, không để phát sinh nhà ở trên sông, kênh rạch.

7.3.3. Về Kinh tế và tổ chức sản xuất

- **Về Thu nhập:** tăng cường việc rà soát quy hoạch, thực hiện đồng bộ các giải pháp cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị sản phẩm, phát triển sản phẩm OCOP gắn với xây dựng nông thôn mới. Đẩy mạnh phát triển thương mại, dịch vụ, thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi để nâng cao giá trị sản phẩm, góp phần nâng cao thu nhập trên cùng đơn vị diện tích. Duy trì, nhân rộng các mô hình sản xuất hiệu quả gắn với mạnh dạn chuyển đổi các loại cây trồng không phù hợp với điều kiện tự nhiên của huyện nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu. Phát triển, mở rộng các mô hình sản xuất liên kết

chuỗi, quy mô lớn, an toàn, chất lượng. Tăng cường ứng dụng, chuyển giao khoa học, công nghệ mới về giống, kỹ thuật nuôi, trồng và chế biến, bảo quản nông sản sau thu hoạch. Xây dựng nhãn hiệu, thương hiệu cho các hàng hóa nông nghiệp chủ lực. Đẩy mạnh nuôi thủy sản theo hướng công nghệ cao đa dạng hóa các loại hình nuôi phù hợp với đặc điểm tự nhiên của từng vùng quy hoạch như: mô hình tôm lúa, hữu cơ. Khuyến khích phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm theo hộ gia đình và nuôi tập trung, trang trại theo hướng an toàn sinh học. Chủ động thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi và quản lý dịch bệnh, gắn với việc bảo vệ môi trường, bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

- **Về hộ nghèo:** Phân đầu duy trì hộ nghèo đa chiều của 07/07 xã còn dưới 4% riêng các xã nâng cao đạt dưới 2%; tập trung thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, hỗ trợ học nghề, giải quyết việc làm cho người lao động, tạo điều kiện cho các hộ nghèo trực tiếp tham gia các chương trình phát triển kinh tế để thoát nghèo tăng thu nhập và từng bước nâng cao mức sống của người dân. Kết hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội huyện, các hội đoàn thể xét cho các hộ nghèo vay vốn để phát triển sản xuất, kinh doanh. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao ý thức tự vươn lên thoát nghèo nhanh và bền vững.

- **Về lao động có việc làm:** Tiếp tục rà soát nhu cầu lao động, phối hợp với các Sở, ngành chức năng tổ chức tư vấn, định hướng đưa lao động đi làm việc trong và ngoài tỉnh. Tăng cường công tác mời gọi các nhà đầu tư vào cụm công nghiệp, Khu công nghiệp và đầu tư các cơ sở sản xuất, nhà máy chế biến để giải quyết cho lao động tại chỗ. Quan tâm công tác đào tạo nghề nhằm nâng cao trình độ tay nghề và giới thiệu việc làm cho lao động ở địa phương để tăng thu nhập. Thực hiện các chính sách, chương trình, đề án về giải quyết việc làm; trọng điểm chú trọng hỗ trợ tạo việc làm cho thanh niên, hỗ trợ thanh niên lập nghiệp, khởi sự doanh nghiệp, chuyển dịch việc làm từ khu vực nông thôn, hỗ trợ tạo việc làm cho nhóm lao động yếu thế, nhất là lao động người dân tộc thiểu số, lao động là người khuyết tật.

- **Về tổ chức sản xuất:** Thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế hợp tác và hợp tác xã, nhất là trong nông nghiệp, nông thôn; tạo điều kiện thực hiện liên kết giữa hợp tác xã với các doanh nghiệp trong việc cung cấp dịch vụ nông nghiệp đầu vào và chế biến, tiêu thụ nông sản. Tăng cường củng cố, kiện toàn, nâng cao chất lượng hoạt động các tổ chức kinh tế hợp tác; xây dựng, nhân rộng các hợp tác xã điểm, đi đầu, khuyến khích các thành phần cùng tham gia vào các tổ chức kinh tế tập thể; đẩy mạnh phát triển kinh tế tập thể đối với các ngành, nghề, dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp.

7.3.4. Về giáo dục - Y tế- văn hóa - xã hội - môi trường

- **Về giáo dục:** Nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo; thực hiện có hiệu quả chủ trương về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; đổi mới công tác quản lý giáo dục, nâng cao chất lượng. Duy trì nền nếp tự học, tự rèn luyện trong học sinh và đội ngũ giáo viên để không ngừng nâng cao trình độ, nâng cao nghiệp vụ quản lý, nghiệp vụ chuyên môn để đáp ứng yêu cầu

nhiệm vụ được giao. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đẩy mạnh phong trào xây dựng trường “xanh - sạch - đẹp an toàn” theo đúng lộ trình.

- **Về y tế:** Thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, kịp thời triển khai các biện pháp phòng, ngừa dịch bệnh là chính. Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động người dân hàng năm tham gia các hình thức BHYT đạt từ 90% trở lên; chú trọng đào tạo chuyên môn nghiệp vụ và giáo dục, rèn luyện ý thức cho đội ngũ cán bộ ngành y, nâng cao chất lượng các dịch vụ khám, điều trị bệnh ở tuyến cơ sở, đáp ứng tốt nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho nhân dân; quan tâm đầu tư phát triển y tế dự phòng, đảm bảo đủ khả năng dự báo, giám sát, phát hiện và khống chế dịch bệnh. Ứng dụng công nghệ số trong quản lý và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân.

- **Về văn hóa- xã hội:** Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền về ý nghĩa, nội dung phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, gắn với xây dựng nông thôn mới. Phần đầu hàng năm có 100% gia đình, ấp, khu phố, xã, thị trấn, cơ quan đơn vị đăng ký danh hiệu văn hóa và thực hiện tốt việc bình xét các tiêu chí văn hoá, theo hướng nâng cao về lượng và chất.

- **Về môi trường và an toàn thực phẩm:** Tiếp tục làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục các chủ chương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, trong đó chú trọng tập trung tuyên truyền làm cho mỗi cán bộ công chức, viên chức và mỗi người dân nhận thức sâu sắc tiêu chí về môi trường, 15 phần việc hộ gia đình nông thôn mới mà đặc biệt là 06 phần việc trong tiêu chí môi trường, thường xuyên phối hợp với các tổ chức đoàn thể, trường học; mít tinh ra quân trồng cây xanh, làm vệ sinh nơi công cộng nhân các ngày lễ như: Ngày nước thế giới, Giờ Trái đất; Tuần lễ nước sạch và vệ sinh môi trường, Ngày Môi trường thế giới, Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn; dùng Panô, biểu ngữ, ... duy trì Ngày môi trường hàng tháng của huyện nhằm nâng cao hơn nữa nhận thức chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác bảo vệ, giữ gìn vệ sinh môi trường.

Tiếp tục đẩy mạnh phát động, vận động sâu rộng trong cán bộ và nhân dân từ huyện đến xã, ấp, tổ nhân dân tự quản, từng hộ nhân dân viết bản đăng ký xây dựng lối sống gần gũi với thiên nhiên; có ý thức bảo vệ môi trường; nơi làm việc, nơi cư trú phải xanh-sạch-đẹp đạt tiêu chí hộ gia đình nông thôn mới, đơn vị văn minh.

7.3.5. Về hệ thống chính trị

- **Về hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật:** Tiếp tục nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới; chú trọng xây dựng đảng bộ, các tổ chức chính trị - xã hội trong sạch, vững mạnh; cải thiện và nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính công; đảm bảo và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân; đặc biệt là người nghèo và các đối tượng chính sách có thể tiếp cận thể chế chính sách, các phương tiện hỗ trợ pháp lý để bảo vệ thực hiện quyền lợi và nghĩa vụ hợp pháp của mình; làm tốt công tác bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong lĩnh vực

của gia đình và đời sống xã hội, không để xảy ra tình trạng tảo hôn, quan tâm xây dựng địa chỉ tin cậy ở cấp cơ sở.

- **Về quốc phòng và an ninh:** Tổ chức tuyên truyền, triển khai các văn bản về luật giáo dục quốc phòng và an ninh, Luật An ninh mạng, Luật Nghĩa vụ quân sự, Luật Dân quân tự vệ trong dân và xây dựng lực lượng dân quân “Vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng. Thường xuyên quan tâm xây dựng, củng cố lực lượng dân quân tự vệ thực sự mạnh cả về chất và tư tưởng chính trị. Giữ vững an ninh chính trị-trật tự an toàn xã hội; Tuyên truyền triển khai các văn bản về an toàn giao thông trong dân và xây dựng kế hoạch đảm bảo an toàn giao thông trên địa bàn nhằm hạn chế mức thấp nhất tai nạn giao thông. Thực hiện có hiệu quả các chương trình quốc gia về phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội. Quan tâm xây dựng, củng cố lực lượng Công an, tổ tự quản, lực lượng Dân phòng; xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân kết hợp chặt chẽ với thể trận an ninh nhân dân trên địa bàn huyện, tăng cường quốc phòng, giữ vững an ninh và nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của Đảng, Nhà nước và Nhân dân, trong đó Quân đội nhân dân và Công an nhân dân.

II. KẾT LUẬN

1. Về hồ sơ: Hồ sơ đầy đủ, đúng trình tự và thủ tục theo quy định tại Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thụ hồi Quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

2. Về hiệu quả hoạt động của Văn phòng Điều phối nông thôn mới huyện: Trong thời gian qua, Văn phòng Điều phối nông thôn mới huyện được thành lập và kiện toàn (khi có thay đổi thành viên) và hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ đúng theo quy định. Văn phòng Điều phối nông thôn mới huyện hoàn thành xuất sắc công tác tham mưu cho Ban Chỉ đạo huyện, Ủy ban nhân dân huyện trong công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện.

3. Về số xã, thị trấn đạt chuẩn theo quy định: Huyện có 100% xã (07/07 xã) đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó, có 01/07 xã, chiếm 14,29% (quy định $\geq 10\%$) đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; Có 100% thị trấn (01/01 thị trấn) đạt chuẩn đô thị văn minh.

3.1. Số xã đạt chuẩn theo quy định:

- Tổng số xã trên địa bàn huyện Kiên Lương: 07 xã.
- Số xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới: 07/07 xã.
- Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới: đạt 100%.
- Số xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao: 01 xã.
- Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao: 14,29%.

3.2. Số thị trấn đạt chuẩn theo quy định:

- Tổng số thị trấn trên địa bàn huyện: 01 thị trấn.
- Số thị trấn đã được công nhận đạt chuẩn đô thị văn minh: 01/01 thị trấn.
- Tỷ lệ số thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh: đạt 100%.

4. Về kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới ở các xã

- 07/07 xã trên địa bàn huyện Kiên Lương thực hiện đạt 19/19 tiêu chí xã nông thôn mới theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2749/QĐ-UBND ngày 03/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang, đạt 100%;

- 01/07 xã thực hiện đạt 19/19 tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2750/QĐ-UBND ngày 03/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang, đạt 14,29%.

5. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí huyện nông thôn mới

Huyện Kiên Lương đạt 09/09 tiêu chí huyện nông thôn mới theo quy định tại Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025.

6. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng huyện nông thôn mới

Tính đến thời điểm thực hiện quy trình công nhận huyện Kiên Lương đạt chuẩn nông thôn mới (đến 31/12/2022), huyện Kiên Lương **không có nợ đọng** xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng huyện nông thôn mới.

III. KIẾN NGHỊ

Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định công nhận huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang đạt chuẩn nông thôn mới năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ban Chỉ đạo TW các CT.MTQG;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Ông Trần Thanh Nam - TT Bộ NN&PTNT;
- Văn phòng Điều phối TW CT.MTQG XDNTM;
- TT.TU, TT.HĐND, TT.UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- VPĐPNTM tỉnh (20b);
- LĐ VPUBND tỉnh, Phòng KT;
- Lưu: VT, tvhung.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Lưu Trung

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM TRA CÁC TIÊU CHÍ HUYỆN NÔNG
THÔN MỚI CỦA HUYỆN KIÊN LƯƠNG, TỈNH KIÊN GIANG**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của huyện	Kết quả thẩm tra của tỉnh
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch xây dựng vùng huyện được phê duyệt còn thời hạn hoặc được rà soát, điều chỉnh theo quy định, trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn	Đạt	Đạt	Đạt
		1.2. Có công trình hạ tầng kỹ thuật thiết yếu hoặc hạ tầng xã hội thiết yếu được đầu tư xây dựng theo quy hoạch xây dựng vùng huyện đã được phê duyệt	≥ 01 công trình	Đạt	Đạt
2	Giao thông	2.1. Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối tới các xã và được bảo trì hàng năm	Đạt	Đạt	Đạt
		2.2. Tỷ lệ km đường huyện đạt chuẩn theo quy hoạch	100%	Đạt	Đạt
		2.3. Tỷ lệ km đường huyện được trồng cây xanh dọc tuyến đường	$\geq 50\%$	Đạt	Đạt
		2.4. Bến xe khách tại trung tâm huyện (nếu có theo quy hoạch) đạt tiêu chuẩn loại IV trở lên	Đạt	Đạt	Đạt
3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	3.1. Hệ thống thủy lợi liên xã đồng bộ với hệ thống thủy lợi các xã theo quy hoạch	Đạt	Đạt	Đạt
		3.2. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Đạt	Đạt	Đạt
4	Điện	Hệ thống điện liên xã đồng bộ với hệ thống điện các xã theo quy hoạch, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của cả hệ thống	Đạt	Đạt	Đạt
5	Y tế - Văn hóa	5.1. Trung tâm Y tế huyện đạt chuẩn	Đạt	Đạt	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của huyện	Kết quả thẩm tra của tỉnh
	- Giáo dục	5.2. Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt chuẩn, có nhiều hoạt động văn hóa - thể thao kết nối với các xã	Đạt	Đạt	Đạt
		5.3. Tỷ lệ trường Trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên	≥60%	Đạt	Đạt
		5.4. Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Cấp độ 1	Đạt	Đạt
6	Kinh tế	6.1. Có khu công nghiệp, hoặc cụm công nghiệp được đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hoặc cụm ngành nghề nông thôn	Đạt	Đạt	Đạt
		6.2. Chợ trung tâm huyện đạt tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm	Đạt	Đạt	Đạt
		6.3. Hình thành vùng nguyên liệu tập trung đối với các sản phẩm chủ lực hoặc có mô hình liên kết theo chuỗi giá trị đảm bảo an toàn thực phẩm, kết nối từ sản xuất đến tiêu thụ đối với các sản phẩm chủ lực của huyện	Đạt	Đạt	Đạt
		6.4. Có Trung tâm kỹ thuật nông nghiệp hoạt động hiệu quả	Đạt	Đạt	Đạt
7	Môi trường	7.1. Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp ≤50% tổng lượng phát sinh	Đạt	Đạt	Đạt
		7.2. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	≥40%	Đạt	Đạt
		7.3. Có mô hình tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp quy mô cấp xã trở lên	≥01 mô hình	Đạt	Đạt
		7.4. Có công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung áp dụng	≥01 công trình	Đạt	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của huyện	Kết quả thẩm tra của tỉnh
		biện pháp phù hợp			
		7.5. Khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề trên địa bàn thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường, trong đó tỷ lệ đất trồng cây xanh trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp tối thiểu là 10% diện tích toàn khu	Đạt	Đạt	Đạt
		7.6. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	$\geq 2\text{m}^2/\text{người}$	Đạt	Đạt
		7.7. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	$\geq 50\%$	Đạt	Đạt
		7.8. Tỷ lệ điểm tập kết, trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện có hạ tầng về bảo vệ môi trường theo quy định	100%	Đạt	Đạt
8	Chất lượng môi trường sống	8.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung	$\geq 50\%$	Đạt	Đạt
		8.2. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững	$\geq 50\%$	Đạt	Đạt
		8.3. Có kế hoạch/Đề án kiểm kê, kiểm soát, bảo vệ chất lượng nước; phục hồi cảnh quan, cải tạo hệ sinh thái ao hồ và các nguồn nước mặt trên địa bàn huyện	Đạt	Đạt	Đạt
		8.4. Cảnh quan, không gian trên địa bàn toàn huyện đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn	Đạt	Đạt	Đạt
		8.5. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%	Đạt	Đạt
9	Hệ thống chính trị	9.1. Đảng bộ, chính quyền huyện được xếp loại chất lượng hoàn	Đạt	Đạt	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của huyện	Kết quả thẩm tra của tỉnh
	- An ninh trật tự - Hành chính công	thành tốt nhiệm vụ trở lên			
		9.2. Tổ chức chính trị - xã hội của huyện được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	100%	Đạt	Đạt
		9.3. Trong 02 năm liên tục trước năm xét công nhận, không có công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý bị xử lý kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự	Không	Đạt	Đạt
		9.4. Đảm bảo an ninh, trật tự	Đạt	Đạt	Đạt
		9.5. Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên	Đạt	Đạt	Đạt
		9.6. Huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt